

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Trong bối cảnh hiện nay của nền kinh tế Việt Nam, ngành xây dựng đang đứng trước cơ hội phát triển rất lớn. Là một ngành thiết yếu, giữ một vị trí quan trọng trong nền kinh tế quốc dân, sự phát triển của ngành xây dựng nói chung gắn chặt với sự phát triển của nền kinh tế. Theo thống kê, năm 2007 nền kinh tế nước ta đã đạt được nhiều kết quả tốt, tăng trưởng kinh tế đạt mức cao nhất trong 11 năm qua tính từ năm 1997 (1997 tăng 8,15%, 1998 tăng 5,76%, 1999 tăng 4,77%, 2000 tăng 6,79%, 2001 tăng 6,89%, 2002 tăng 7,08%, 2003 tăng 7,34%, 2004 tăng 7,79%, 2005 tăng 8,43%, 2006 tăng 8,17%, 2007 tăng 8,44%), trong đó nhóm ngành công nghiệp – xây dựng tăng cao nhất, tỷ trọng trong GDP tăng lớn và đạt gần 42%¹. Tốc độ tăng trưởng cao kéo theo nhu cầu về điện, nguyên, nhiên vật liệu và nhu cầu cho đầu tư và phát triển cơ sở hạ tầng là rất lớn. Trong đó, đặc biệt phải kể đến nhu cầu xây dựng các nhà máy thủy điện, nhiệt điện, hệ thống đường giao thông,... nhằm xây dựng cơ sở hạ tầng phù hợp với tốc độ phát triển của nền kinh tế.

Là một đơn vị hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực thi công xây dựng các công trình thủy điện, thủy lợi, giao thông, dân dụng và sản xuất nguyên vật liệu xây dựng (bê tông, đá dăm,...), sự phát triển của nền kinh tế có tác động tích cực đến khả năng tăng trưởng phát triển của Công ty Cổ phần Sông Đà 4 (*dưới đây gọi tắt là Công ty*). Tuy nhiên, ngành này khá nhạy cảm với diễn biến của nền kinh tế. Khi nền kinh tế tăng trưởng và ổn định, lĩnh vực này hứa hẹn mang lại nhiều cơ hội phát triển cho Công ty. Ngược lại, khi nền kinh tế đình trệ thì khả năng phát triển phần nào sẽ bị thu hẹp do có sự hạn chế của các nguồn tài chính dài hạn, sự hợp tác của các đối tác, mức độ tài trợ của các ngân hàng và của các định chế tài chính khác giảm đáng kể so với thời kỳ kinh tế ổn định và phát triển.

Như vậy, tốc độ phát triển trong những năm gần đây của nền kinh tế nói chung và của ngành xây dựng nói riêng phản ánh cơ hội phát triển của Công ty trong hiện tại và tương lai là rất lớn.

Lãi suất

Tính đến thời điểm 31/12/2007, vốn vay của Công ty bằng khoảng 4,43 lần vốn điều lệ, trong đó 69,58% là vay dài hạn với lãi suất ổn định khoảng 11,3%/năm, 30,42% là vay ngắn hạn với lãi suất 0,92%/tháng. Do đặc thù của ngành xây lắp, khi tham gia xây dựng những công trình lớn như công trình thủy điện, tỷ lệ vốn vay trên vốn điều lệ luôn ở mức cao. Tỷ lệ nợ vay hiện tại của Công ty được xem là nằm trong mặt bằng chung so với các doanh nghiệp trong cùng ngành xây lắp.

Trong trường hợp lãi suất tăng, chi phí hoạt động sẽ tăng theo và có thể gây ảnh hưởng nhất định tới hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, với việc niêm yết cổ phiếu trên

¹ Nguồn: Thời báo kinh tế Việt Nam ngày 27/12/2007

TTGDCK Hà Nội, Công ty sẽ được tiếp cận với một kênh huy động vốn mới và hiệu quả là Thị trường chứng khoán. Điều này, tạo điều kiện cho Công ty hướng tới một cơ cấu tài chính hợp lý nhằm giảm thiểu những rủi ro do biến động về lãi suất gây ra. Đồng thời, tính thanh khoản của cổ phiếu Công ty được tăng lên, tạo thêm sự thuận lợi và tiện ích cho cổ đông.

Tỷ giá hối đoái

Hoạt động chính của Công ty là xây lắp, do đó hoạt động xuất nhập khẩu sản phẩm của Công ty chiếm tỷ trọng nhỏ trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các nguyên vật liệu đầu vào chủ yếu là nguồn nguyên liệu trong nước, chỉ có một số ít nhập khẩu như các chất phụ gia và các loại máy móc thiết bị cần thiết cho hoạt động xây lắp của Công ty. Vì vậy tỷ giá hối đoái biến động sẽ có ảnh hưởng không đáng kể tới sự tăng trưởng và phát triển của Công ty trong ngắn hạn cũng như trong dài hạn.

Lạm phát

Trong hai năm 2005, 2006 tỷ lệ lạm phát của Việt Nam lần lượt 8,4% và 6,6%. Đặc biệt, năm 2007, tỷ lệ lạm phát lên tới 12,6%², và theo dự đoán của các chuyên gia kinh tế thì tỷ lệ lạm phát trong những năm tới sẽ dao động ở mức 7% đến 8%³. Tuy nhiên, theo đánh giá của ADB, trong các nguyên nhân gây lạm phát, lương thực thực phẩm là nhân tố chủ yếu, chiếm tới 42,8% trong rổ hàng hóa tính CPI. Tính đến thời điểm 31/12/2007, giá thực phẩm cả năm đã tăng 21,16%⁴. Đồng thời khi giá cả đầu vào tăng lên do nguyên nhân lạm phát, giá cả đầu ra cũng sẽ được tăng lên tương ứng. Bởi vậy, tác động của lạm phát lên kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty chỉ dừng ở mức độ nhất định.

Vì vậy, nhìn chung các nhân tố kinh tế vĩ mô có tác động tích cực tới hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

2. Rủi ro pháp luật

Từ một doanh nghiệp nhà nước chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần và trở thành công ty đại chúng, mọi hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng của các chính sách Pháp luật về Cổ phần hóa, Chứng khoán và Thị trường Chứng khoán... Là một doanh nghiệp mới chuyển đổi hình thức nên doanh nghiệp cần có một thời gian nhất định để tiếp cận và tiến hành quản lý theo các quy định của Pháp luật trong lĩnh vực này. Hơn nữa hệ thống Pháp luật Việt Nam liên quan đến các hoạt động của Công ty cũng đang trong quá trình bổ sung và hoàn thiện. Những yếu tố trên sẽ tạo nên một số ảnh hưởng nhất định tới hoạt động của Công ty.

3. Rủi ro đặc thù

Như đã trình bày ở trên, do đặc thù của ngành xây lắp, đặc biệt là xây lắp những công trình lớn như xây dựng nhà máy thủy điện nên tỷ lệ vốn vay trên Vốn điều lệ của Công ty luôn ở mức

⁽²⁾ Nguồn: <http://www1.thanhnien.com.vn/Kinhte/2007/12/26/220523.tno>

⁽³⁾ Nguồn: Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB)

⁽⁴⁾ Nguồn: <http://www1.thanhnien.com.vn/Kinhte/2007/12/26/220523.tno>

cao. Điều này sẽ tạo ra những rủi ro nhất định đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong trường hợp có sự biến động đột biến về mặt lãi suất.

Mặt khác, trong hoạt động xây dựng cơ bản, thời gian thi công của các công trình thường kéo dài, việc nghiệm thu, bàn giao được thực hiện từng phần. Hơn nữa, việc giải ngân tại Việt Nam hiện nay trong nhiều trường hợp cũng chưa theo kịp tiến độ thi công, quá trình hoàn thiện công trình cũng như thống nhất phê duyệt quyết toán giữa chủ đầu tư và nhà thầu thường mất rất nhiều thời gian. Bên cạnh đó, các chủ đầu tư là các bộ ngành và địa phương thường bố trí quá nhiều dự án, công trình xây dựng không tương xứng với nguồn vốn đầu tư cho nên thi công kéo dài, khối lượng đầu tư dở dang nhiều. Điều đó cũng làm chậm tiến độ giải ngân và thanh quyết toán của các công trình và làm ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình tài chính của các công ty xây dựng, đặc biệt là tình hình công nợ phải thu, phải trả và dòng tiền hoạt động.

Ngoài ra, giá cả các yếu tố đầu vào của ngành xây dựng, đặc biệt là thép đang ở mức cao và còn có xu hướng tăng làm ảnh hưởng đến chi phí của Công ty. Tuy nhiên, Công ty đã có uy tín trong ngành, kinh nghiệm trong đấu thầu và đồng đảo khách hàng truyền thống, bên cạnh đó Công ty còn được sự hỗ trợ của Tổng công ty Sông Đà nên việc đảm bảo được kế hoạch doanh thu và lợi nhuận đặt ra là khả thi.

4. Rủi ro khác

Các rủi ro bất khả kháng như thiên tai, bão lụt, hỏa hoạn, dịch bệnh, v.v... đều gây ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của Công ty. Những rủi ro này có thể tác động tới hoạt động thi công tại các công trình xây dựng, làm chậm tiến độ hoặc gây thiệt hại cho công trình (một phần hay toàn bộ).

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

Ông: Trần Văn Thông	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
Ông: Phạm Văn Trọng	Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc
Ông: Vương Đắc Hùng	Chức vụ: Kế toán trưởng
Ông: Tạ Duy Sơn	Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin về số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc có điều tra, thu thập một cách hợp lý. Theo đó, nhà đầu tư có thể hiểu, phân tích tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh trong quá khứ cũng như triển vọng trong tương lai của Công ty.

2. Tổ chức tư vấn niêm yết

Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Long

Đại diện theo pháp luật: Ông Hà Hoài Nam

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ xin đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Long tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Sông Đà 4. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Sông Đà 4 cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Công ty	Công ty Cổ phần Sông Đà 4
Tổng công ty	Tổng công ty Sông Đà
Sông Đà 4	Công ty Cổ phần Sông Đà 4
Sông Đà 4 JSC	Tên viết tắt của Công ty Cổ phần Sông Đà 4
CTCP	Công ty Cổ phần.
Cổ phiếu	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Sông Đà 4
UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
TTGDCK	Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
HĐQT	Hội đồng quản trị
Thuế TNDN	Thuế thu nhập doanh nghiệp
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
VNĐ	Đồng Việt Nam
SXKD	Sản xuất kinh doanh
UBND	Ủy ban Nhân Dân
QLCL	Quản lý chất lượng

IV. TÌNH HÌNH ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Sông Đà 4 là đơn vị thành viên của Tổng công ty Sông Đà - Bộ Xây dựng, tiền thân là Công ty Xây dựng Thủy điện miền Trung, được thành lập theo Quyết định số 447/BXD –TCLĐ ngày 18/05/1989 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Trải qua 19 năm hình thành và phát triển, đơn vị có nhiều tên gọi khác nhau như: Công ty Xây dựng Thủy điện Yaly; Công ty Xây dựng Sông Đà 4; Công ty Sông Đà 4, nay là Công ty Cổ phần Sông Đà 4.

Thực hiện chủ trương của Chính phủ về việc sắp xếp và đổi mới các doanh nghiệp Nhà nước, Công ty Cổ phần Sông Đà 4 đã tiến hành thực hiện các bước sắp xếp lại đơn vị theo Nghị định

số 145/2002/NĐ-CP ngày 21/11/2005 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 63/2001/NĐ-CP ngày 14/09/2001 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước, doanh nghiệp của tổ chức chính trị - xã hội thành Công ty TNHH một thành viên. Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Sông Đà 4 được thành lập theo quyết định số 2135/QĐ-BXD ngày 16/11/2005 của Bộ trưởng Bộ Xây Dựng về việc thực hiện chuyển Công ty thành viên 100% vốn Nhà nước thuộc Tổng Công ty Sông Đà thành công ty TNHH một thành viên.

Cuối năm 2007, Công ty tiến hành cổ phần hóa doanh nghiệp kết hợp với việc bán đấu giá cổ phần thông qua Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Căn cứ vào biên bản xác định kết quả đấu giá ngày 26/09/2007, Công ty đã thực hiện thành công việc bán đấu giá 1.935.700 cổ phần ra công chúng.

Ngày 26/10/2007, theo quyết định số 1329/QĐ-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây Dựng, Công ty TNHH Nhà Nước một thành viên Sông Đà 4 được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Sông Đà 4.

Ngày 15 tháng 11 năm 2007 Công ty chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3903000162 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp.

Trải qua gần 20 năm hình thành và phát triển, từ một Công ty chủ yếu là hoạt động xây lắp đơn thuần, đến nay Công ty đã bổ sung thêm nhiều chức năng với quy mô lớn mạnh về mọi mặt, đa dạng về ngành nghề kinh doanh. Công ty đã tham gia thi công các công trình xây dựng lớn của quốc gia như: Nhà máy thủy điện Yaly - công suất 720 MW, nhà máy thủy điện Ry Ninh 1, nhà máy thủy điện Ry Ninh 2, nhà máy thủy điện Sê San 3, nhà máy thủy điện Iagrai3, nhà máy thủy điện Sêsan 3A, nhà máy thủy điện Sê San 4, nhà máy thủy điện An Khê – Ka Nak, nhà máy thủy điện Xêkamán 1.... Các sản phẩm của Công ty đều là các công trình lớn được hoàn thành với chất lượng cao và giữ được chữ tín đối với thị trường.

2. Một số thông tin cơ bản về Công ty

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Sông Đà 4

Tên giao dịch đối ngoại: Song Da 4 Joint Stock Company

Tên viết tắt: Sông Đà 4

Logo:



SÔNG ĐÀ 4

Địa chỉ: Số 20 Phạm Văn Đồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

Điện thoại: (84-59)717 266

Fax: (84-59)717 267

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: số 39 03 000162 ngày 15 tháng 11 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp.



Trụ sở chính Công ty

Ngành nghề kinh doanh trong giấy phép:

- ❖ Xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện, giao thông đường bộ, công trình công nghiệp, dân dụng;
- ❖ Thi công xây lắp đường dây và trạm biến áp đến 110KV;
- ❖ Đầu tư xây dựng khu công nghiệp và đô thị;
- ❖ Đầu tư tài chính: Góp vốn mua cổ phần, kinh doanh trái phiếu, nhận góp vốn đầu tư, ủy thác đầu tư;
- ❖ Sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm;
- ❖ Sản xuất và kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng./.

Với những đóng góp to lớn vào công cuộc xây dựng đất nước, Công ty đã được các Bộ, Ngành, Nhà nước đánh giá cao và tặng thưởng nhiều danh hiệu cao quý:

- ✚ Bộ Xây dựng và Công đoàn Xây dựng Việt Nam cấp Bằng chứng nhận Đơn vị lao động giỏi ngành Xây dựng năm 1991 – 1995;
- ✚ Huân chương Lao động hạng ba năm 2002;
- ✚ 01 cá nhân đạt danh hiệu Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới;
- ✚ Bộ Xây dựng công nhận danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc năm 2006.
- ✚ Cùng nhiều danh hiệu khác và nhiều bằng khen của Bộ Xây dựng, Chiến sỹ thi đua toàn quốc ...

Vốn điều lệ: **75.000.000.000 (Bảy mươi lăm tỷ) đồng**

Cơ cấu vốn điều lệ:

Cơ cấu vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 31/12/2007

STT	Cổ đông	Cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
1	Vốn nhà nước Tổng công ty Sông Đà, người đại diện sở hữu là các ông(bà) có tên sau: - <i>Trần Văn Thông</i> - <i>Nguyễn Khắc Hiệp</i> - <i>Nguyễn Hữu Lợi</i> - <i>Tạ Duy Sơn</i>	4.800.000 <i>2.000.000</i> <i>1.000.000</i> <i>1.000.000</i> <i>800.000</i>	64,00% <i>26,67%</i> <i>13,33%</i> <i>13,33%</i> <i>10,67%</i>
2	Vốn góp của các cổ đông khác	2.700.000	36,00%
TỔNG		7.500.000	100%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Sông Đà 4)

3. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Cơ cấu tổ chức của Công ty hiện tại được chia thành hai khối: Khối văn phòng và khối các đơn vị sản xuất, cụ thể như sau:

❖ **Khối văn phòng:**

- Phòng Quản lý Kỹ thuật;

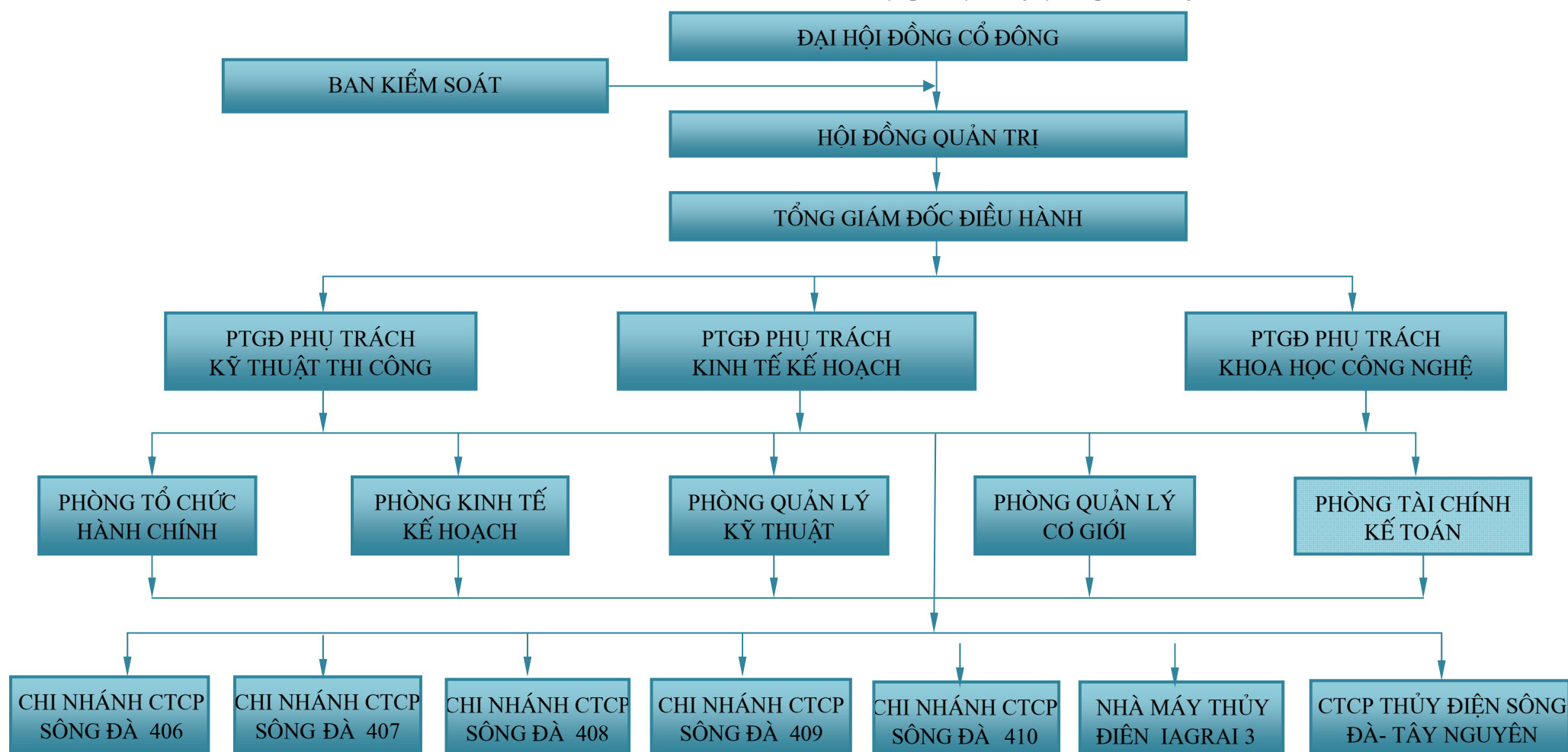
- Phòng Quản lý Cơ giới;
- Phòng Kinh tế Kế hoạch;
- Phòng Tổ chức Hành chính;
- Phòng Tài chính Kế toán.

❖ **Khối các đơn vị sản xuất - Các Chi nhánh trực thuộc:**

- Chi nhánh CTCP Sông Đà 4.06: Trụ sở đóng tại Thị Trấn PleiKân, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum;
- Chi nhánh CTCP Sông Đà 4.07: Trụ sở đóng tại Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh;
- Chi nhánh CTCP Sông Đà 4.08: Trụ sở đóng tại công trường Thủy điện Sè San 4, xã Iao, huyện Iagrai, tỉnh Gia Lai;
- Chi nhánh CTCP Sông Đà 4.09: Trụ sở đóng tại Thị Trấn PleiKân, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum.
- Chi nhánh CTCP Sông Đà 4.10: Trụ sở đóng tại công trường Thủy điện Bản Vẽ, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An;
- Nhà máy thủy điện Iagrai 3: Trụ sở đóng tại công trường Thủy điện Iagrai3, xã Iakhai, huyện Iagrai, tỉnh Gia Lai.

4. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Sơ đồ cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý Công ty Cổ phần Sông Đà 4



Công ty Cổ phần Sông Đà 4 được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Cơ sở của hoạt động quản trị và điều hành Công ty là Điều lệ tổ chức và hoạt động được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11 tháng 11 năm 2007.

Đại hội đồng cổ đông:

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền bỏ phiếu hoặc người được cổ đông uỷ quyền. Đại hội đồng cổ đông có nhiệm vụ:

- ❖ Thông qua kế hoạch phát triển của Công ty; thông qua báo cáo tài chính hàng năm, các báo cáo của Ban kiểm soát và của Hội đồng quản trị;
- ❖ Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- ❖ Quyết định số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
- ❖ Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc;
- ❖ Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ, thông qua định hướng phát triển của Công ty, quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- ❖ Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

Hội đồng quản trị:

Số thành viên của HĐQT gồm 05 thành viên với nhiệm kỳ 05 năm. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty, trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông:

- ❖ Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
- ❖ Xác định mục tiêu hoạt động và mục tiêu chiến lược trên cơ sở các mục đích chiến lược do Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- ❖ Bổ nhiệm và bãi nhiệm các người quản lý Công ty theo đề nghị của Tổng Giám đốc và quyết định mức lương của họ;
- ❖ Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
- ❖ Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời, tổ chức việc chi trả cổ tức;
- ❖ Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- ❖ Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty;

- ❖ Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

Ban Kiểm soát:

Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra và bãi miễn nhiệm, có những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

- ❖ Thực hiện giám sát Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng Cổ đông trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao;
- ❖ Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- ❖ Thẩm định báo cáo tài chính, tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị;
- ❖ Trình báo cáo thẩm định, báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;
- ❖ Kiến nghị Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
- ❖ Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

Tổng Giám đốc:

Tổng Giám đốc là người điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Tổng Giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau :

- ❖ Quản lý và điều hành các hoạt động, công việc hàng ngày của Công ty thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc theo quy định của pháp luật và Điều lệ;
- ❖ Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- ❖ Ký kết và tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế, dân sự và các loại hợp đồng khác phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty;
- ❖ Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh quản lý của Công ty mà không thuộc đối tượng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
- ❖ Tuyển dụng, thuê mướn và bố trí sử dụng người lao động theo quy định của Hội đồng quản trị, phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty. Quyết định mức lương, phụ cấp (nếu có) cho người lao động trong Công ty;
- ❖ Đại diện Công ty trước pháp luật, đại diện Công ty trong các tranh chấp có liên quan đến

Công ty;

- ❖ Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

Giúp việc cho Tổng Giám đốc có 02 Phó Tổng Giám đốc

Các phòng ban chức năng của Công ty:

Các phòng có chức năng tham mưu và giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc, trực tiếp điều hành theo chức năng chuyên môn và chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc. Công ty hiện có 05 phòng nghiệp vụ với chức năng được quy định như sau:

- ❖ ***Phòng Quản lý Kỹ thuật***

Phòng Quản lý Kỹ thuật là bộ phận tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc Công ty trong các lĩnh vực: Thiết kế; quản lý chất lượng; quản lý tiến độ thi công; đấu thầu trong xây dựng; công tác nghiên cứu khoa học kỹ thuật và sáng kiến cải tiến kỹ thuật; công tác an toàn lao động.

➤ Nhiệm vụ cụ thể của phòng như sau:

- Thiết kế biện pháp, tổ chức thi công chủ đạo các công trình trọng điểm của Công ty; kiểm tra và trình Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt thiết kế tổ chức và biện pháp thi công của các đơn vị thành viên; theo dõi, kiểm tra và hỗ trợ các đơn vị thành viên trong công tác thiết kế và giải quyết các vướng mắc về thiết kế và tư vấn với chủ đầu tư; thu thập thông tin và thiết kế về các dự án, công trình mới trong phạm vi ngành nghề truyền thống của Công ty;
- Soạn thảo và trình Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và ban hành các quy chế về quản lý chất lượng trong nội bộ Công ty; thực hiện việc theo dõi, giám sát kiểm tra tình hình quản lý khối lượng, chất lượng của các đơn vị thành viên theo phân cấp; chủ trì việc xây dựng và giám sát vận hành hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001- 2000; tham gia nghiệm thu các hạng mục công trình, công việc theo phân cấp; hướng dẫn, kiểm tra giám sát việc lập và lưu trữ hồ sơ tài liệu hoàn công các công trình; nghiên cứu, đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng; phối hợp với các đơn vị thành viên lập bảng tổng tiến độ thi công các công trình toàn Công ty trên cơ sở yêu cầu nhiệm vụ được giao và hợp đồng ký kết với chủ đầu tư;
- Đôn đốc, theo dõi và kiểm tra tình hình thực hiện tiến độ thi công của các đơn vị thành viên; lập báo cáo, kiểm điểm và đánh giá về tình hình thực hiện tiến độ thi công các công trình do Công ty thi công (định kỳ theo từng tháng, quý và theo yêu cầu của Tổng Giám đốc Công ty); lập biểu đồ theo dõi các tiến độ thi công các công trình; tổng hợp khối lượng thi công trong tuần các công trình, báo cáo Tổng Giám đốc Công ty; nghiên cứu các nguyên nhân không hoàn thành kế hoạch, đề xuất các biện pháp (về kỹ thuật, tổ chức, kế hoạch chuẩn bị nhân lực, vật tư, xe máy...) nhằm đẩy nhanh tiến độ thi công; định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra thực tế

tình hình thực hiện tiến độ thi công các công trình;

- Tìm kiếm thị trường xây dựng trong nước; phối hợp với các phòng trong Công ty lập hồ sơ đấu thầu các công trình; hướng dẫn và hỗ trợ các đơn vị thành viên trong công tác đấu thầu; phối hợp với các xí nghiệp lập hồ sơ trước khi thi công theo đúng quy định của Tổng Công ty;
- Tham gia xây dựng bộ định mức kinh tế - kỹ thuật của Công ty; theo dõi, đôn đốc, hỗ trợ và kiểm tra việc nghiệm thu các khối lượng hoàn thành của các đơn vị thành viên; kết hợp cùng với các phòng chức năng của Công ty và các đơn vị thành viên lập báo cáo khối lượng thực hiện; báo cáo khối lượng dở dang theo từng tháng, quý, năm; nghiên cứu, đề xuất các biện pháp hạ giá thành sản phẩm;
- Lập và trình Tổng Giám đốc Công ty xem xét phê duyệt kế hoạch nghiên cứu khoa học kỹ thuật; thực hiện nghiên cứu các đề tài đã được phê duyệt; tập hợp các sáng kiến, cải tiến kỹ thuật của toàn Công ty để trình hội đồng khoa học - kỹ thuật của Công ty xem xét khen thưởng; phổ biến tới các đơn vị thành viên các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực xây dựng cũng như các sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong toàn Công ty;
- Hàng năm dự thảo kế hoạch Bảo hộ lao động trình Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt; xây dựng nội quy, quy chế công tác an toàn và bảo hộ lao động trong toàn Công ty; phổ biến, hướng dẫn các chi nhánh thực hiện các chế độ, tiêu chuẩn, quy phạm của Nhà nước, các chỉ thị về an toàn - vệ sinh lao động của Tổng Công ty và Công ty; kiểm tra, trình duyệt biện pháp thi công an toàn các công trình; định kỳ hoặc đột xuất tổ chức kiểm tra tình hình thực hiện công tác bảo hộ lao động đối với các chi nhánh; theo dõi, tổng hợp tình hình tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, báo cáo thực hiện công tác bảo hộ lao động, sơ kết công tác bảo hộ lao động trong toàn Công ty; hướng dẫn các chi nhánh giải quyết, điều tra giải quyết các vụ tai nạn lao động theo pháp luật;

❖ **Phòng Kinh tế Kế hoạch**

Phòng Kinh tế Kế hoạch là bộ phận tham mưu giúp cho Tổng Giám đốc Công ty trong các lĩnh vực: công tác kế hoạch; công tác thị trường và đấu thầu mua sắm vật tư, thiết bị, xe máy; công tác mua bán, xuất, nhập và sử dụng vật tư, phụ tùng của các đơn vị trong Công ty; công tác hợp đồng kinh tế.

Nhiệm vụ cụ thể của phòng như sau:

- Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư dài hạn, xây dựng kế hoạch hàng năm, kế hoạch quý của Công ty báo cáo Tổng Công ty; trên cơ sở nhiệm vụ của Công ty và điều kiện cụ thể của đơn vị, hướng dẫn chỉ đạo các đơn vị trực thuộc xây dựng kế hoạch năm, quý, tháng; trình Tổng Giám đốc phê duyệt kế hoạch tháng, quý

năm và giao các đơn vị thực hiện; phối hợp với các phòng của Công ty xây dựng kế hoạch kinh tế tài chính, kế hoạch đầu tư, kế hoạch phát triển công nghệ, khoa học kỹ thuật, kế hoạch sửa chữa lớn thiết bị xe máy, kế hoạch sử dụng vật tư phụ tùng (các loại vật tư chính mà Công ty quản lý, các phụ tùng vật tư phải nhập khẩu...), kế hoạch đào tạo, kế hoạch nhân lực...; theo dõi, kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch; thống kê, báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch tháng, quý, năm theo quy định hiện hành; cân đối giữa nhu cầu nhiệm vụ sản xuất với khả năng của mỗi đơn vị, tham mưu cho Tổng Giám đốc Công ty trong việc điều hành sản xuất của Công ty;

- Thu thập, tổng hợp các nguồn thông tin về định hướng, kế hoạch đầu tư phát triển của nhà nước, các ngành, các địa phương làm cơ sở xây dựng kế hoạch thị trường; mở rộng và củng cố các mối quan hệ của Công ty với các cơ quan phụ trách đầu tư của Nhà nước, các tỉnh, thành phố, của Tổng Công ty; tăng cường quảng cáo năng lực và danh tiếng của Công ty trên thị trường; phối hợp với các phòng của Công ty lập hồ sơ dự thầu các công trình; thu thập, tính toán, xây dựng các định mức đơn giá về các loại vật tư, thiết bị xe máy, lao động và các chi phí khác để tính giá bỏ thầu các gói thầu;
- Lập kế hoạch đấu thầu mua sắm vật tư, phụ tùng, thiết bị khi Công ty có nhu cầu, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; lập hồ sơ mời thầu cho việc mua vật tư, thiết bị trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; tổ chức đấu thầu mua vật tư, thiết bị theo quy định; chủ trì tổ chức chấm thầu theo tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu đã được duyệt, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kết quả đấu thầu; cùng các phòng và các đơn vị có liên quan tính toán giá cho các thiết bị, xe máy thanh lý không cần dùng, vật tư phụ tùng tồn kho không sử dụng trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- Công tác xây dựng và quản lý định mức đơn giá: Xây dựng bộ định mức kinh tế kỹ thuật của Công ty hiệu quả và có tính cạnh tranh cao; kiểm tra về giá, các chế độ phụ phí hợp đồng kinh tế và các dự toán thanh toán trong phạm vi Công ty trực tiếp quản lý; hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị xây dựng các định mức, đơn giá do giám đốc các đơn vị thực hiện và tự quyết định; phối hợp với các phòng của Công ty trong việc thực hiện các định mức, đơn giá nội bộ của các đơn vị;
- Phối hợp với phòng Tài chính Kế toán theo dõi công tác thanh toán, thu hồi vốn hàng tháng, hàng quý của các đơn vị và của Công ty; cùng các phòng liên quan khác đề ra các biện pháp thực hiện; thẩm định dự toán, phiếu giá thanh toán với các đơn vị trong Công ty, trình Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt, chuyển phòng Tài chính Kế toán thanh toán; giải quyết các vướng mắc về kinh tế giữa các đơn vị trực thuộc Công ty;
- Dự thảo và đàm phán hoặc phối hợp thoả thuận đàm phán để Tổng Giám đốc Công ty ký kết các hợp đồng kinh tế; làm thủ tục ủy quyền thực hiện các hợp đồng kinh tế theo Quy định và phân cấp của Công ty về công tác quản lý hợp đồng kinh tế; theo dõi giám sát, đơn đốc việc thực hiện các hợp đồng kinh tế; thanh lý khi đã thực hiện xong các



hợp đồng kinh tế mà Công ty ký kết; báo cáo thường xuyên, đột xuất các vi phạm để Tổng Giám đốc Công ty kịp thời xử lý; hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị thực hiện đúng pháp lệnh hợp đồng kinh tế, quy định và phân cấp của Công ty về công tác quản lý hợp đồng kinh tế; tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện hợp đồng kinh tế trong Công ty, hàng quý báo cáo Tổng Giám đốc Công ty;

- Lập kế hoạch cung cấp các loại vật tư, phụ tùng phục vụ cho công tác sản xuất kinh doanh của toàn Công ty theo định kỳ, tháng, quý, năm căn cứ theo kế hoạch sản xuất của Công ty trên cơ sở kế hoạch của các đơn vị thành viên;
- Nghiên cứu giá cả thị trường tìm kiếm đối tác có khả năng đáp ứng yêu cầu cung cấp vật tư phụ tùng, thiết bị trong nước và nước ngoài, cùng với phòng Kinh tế Kế hoạch trực tiếp liên hệ, đàm phán, thương thảo, tập hợp số liệu trình Hội đồng giá Công ty xem xét và quyết định lựa chọn nhà cung cấp;
- Chịu trách nhiệm về công tác mua sắm thiết bị, vật tư, phụ tùng chủ yếu cho toàn Công ty và các loại vật tư, phụ tùng mà các chi nhánh không có khả năng mua sắm;
- Ra các văn bản, nội quy, quy định, các biểu mẫu báo cáo thống nhất về công tác quản lý và sử dụng vật tư, phụ tùng cho các đơn vị thành viên;
- Kiểm tra, giám sát việc mua sắm, bảo quản và sử dụng vật tư, phụ tùng của các đơn vị thành viên theo các quy định của Pháp luật, các quy định của Công ty và Tổng Công ty;
- Duyệt kế hoạch cung cấp vật tư phụ tùng của các đơn vị thành viên;
- Kiểm tra, giám sát công tác nghiệm thu quyết toán sử dụng vật tư, phụ tùng ở các đơn vị thành viên;
- Nghiên cứu đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả của việc mua bán, sử dụng vật tư.

❖ **Phòng Tài chính Kế toán**

Phòng Tài chính Kế toán có chức năng, nhiệm vụ:

- Tổ chức thực hiện công tác hạch toán kế toán trong toàn Công ty; lập báo cáo tài chính, thống kê, kiểm kê định kỳ và các báo cáo khác thuộc lĩnh vực tài chính, kế toán theo chế độ Kế toán và Luật Kế toán hiện hành;
- Có chức năng huy động vốn theo đúng quy định của Nhà nước và quy chế tín dụng của các tổ chức cho vay, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Quản lý tài chính của Công ty theo đúng chế độ của Nhà nước cũng như Điều lệ Công ty;
- Cung cấp thông tin kinh tế và tài chính kế toán kinh doanh trong phạm vi toàn Công ty theo thẩm quyền và giới hạn cho phép;



- Ban hành các quy chế quản lý kinh tế tài chính, kế toán của Công ty theo đúng chế độ hiện hành của Nhà nước;
- Phổ biến, hướng dẫn cho người lao động toàn Công ty thực hiện kịp thời các chính sách, chế độ của Nhà nước và các quy định của Công ty thuộc lĩnh vực tài chính, kế toán;
- Tổ chức kiểm tra công tác quản lý tài chính và hạch toán kế toán trong toàn Công ty;
- Tham mưu cho Ban Lãnh đạo Công ty về các công việc thuộc lĩnh vực tài chính, kế toán để hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả cao;
- Kết hợp với các phòng ban phân tích các hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị theo từng quý và năm;
- Chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc Công ty và Kế toán trưởng cấp trên về toàn bộ công tác tài chính, kế toán của Công ty Cổ phần Sông Đà 4.

❖ **Phòng Quản lý Cơ giới**

Phòng Quản lý Cơ giới là bộ phận tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc Công ty trong lĩnh vực quản lý cơ giới, quản lý tài sản thiết bị trong toàn Công ty. Nhiệm vụ cụ thể của phòng như sau:

- Nắm vững tất cả các loại thiết bị toàn Công ty (chủng loại, số lượng, đơn vị quản lý, tình trạng kỹ thuật, hoạt động từng thời điểm); đơn đốc mạng lưới quản lý cơ giới tại các đơn vị hoạt động vào nề nếp, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Kiểm tra, đơn đốc các đơn vị trực thuộc thực hiện nghiêm chỉnh các quy phạm của Nhà nước về an toàn thiết bị và an toàn giao thông, chế độ bảo dưỡng xe máy, chế độ báo cáo tuân, và báo cáo đột xuất các hoạt động cơ giới; Kiểm tra đơn đốc các đơn vị thực hiện mua bảo hiểm cho xe máy thiết bị;
- Cùng phòng Vật tư của Công ty tổng hợp toàn bộ số phụ tùng thường xuyên phải thay thế đối với các loại xe máy chính và lập kế hoạch cung ứng phụ tùng cho sửa chữa thường xuyên và sửa chữa lớn trong toàn Công ty;
- Lập và giao kế hoạch sửa chữa lớn trong năm của Công ty cho các đơn vị;
- Trên cơ sở quy định của Công ty, soạn thảo các văn bản hướng dẫn các đơn vị thực hiện cùng với việc kiểm tra, chấn chỉnh qua các đợt kiểm tra định kỳ dưới đơn vị để đưa công tác quản lý cơ giới vào nề nếp;
- Thu thập tổng hợp số liệu, tính toán xây dựng định mức tiêu hao năng lượng cho các chủng loại xe máy thiết bị của Công ty;
- Căn cứ vào kế hoạch sản xuất hàng năm, kế hoạch dài hạn và các dự án thi công để cùng các phòng chức năng lập kế hoạch tái đầu tư và đầu tư nâng cấp thiết bị toàn Công ty.

❖ **Phòng Tổ chức Hành chính**

Phòng Tổ chức Hành chính giúp việc cho Tổng Giám đốc Công ty trong các lĩnh vực: Công tác tổ chức nhân sự; chế độ chính sách đối với người lao động; công tác đào tạo tuyển dụng; công tác thi đua, khen thưởng; công tác hành chính; các văn bản của HĐQT. Các nhiệm vụ cụ thể của phòng như sau:

- Đề xuất phương án quy hoạch bố trí sử dụng cán bộ, chính sách cán bộ, điều động, đề bạt, bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật theo phân cấp; theo dõi quản lý kiểm tra tình hình sử dụng nhân lực trong toàn Công ty; xây dựng và ban hành tiêu chuẩn cho người lao động toàn Công ty; lưu trữ hồ sơ của người lao động theo quy định;
- Hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị thành viên trực thuộc thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động: Ký hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động, sa thải, khen thưởng kỷ luật...; nghiên cứu, đề xuất chế độ tiền lương, chế độ tiền thưởng áp dụng trong Công ty phù hợp với chế độ chính sách của Nhà nước, các quy định, quy chế của Công ty; giải quyết các chế độ chính sách cho người lao động toàn Công ty theo phân cấp; giải quyết các khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc thực hiện chế độ chính sách với người lao động;
- Lập và tổ chức thực hiện kế hoạch tuyển dụng, đào tạo nguồn lực theo kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng quý, hàng năm và theo định hướng phát triển của Công ty;
- Soạn thảo và tổ chức thực hiện các quy chế khen thưởng, kỷ luật theo các văn bản hướng dẫn và phù hợp với tình hình cụ thể của Công ty;
- Biên tập và phát hành, quản lý văn bản, công tác văn thư lưu trữ; tổ chức giao tiếp đối nội, đối ngoại của Công ty; xây dựng và củng cố mối quan hệ của Công ty với cơ quan cấp trên, ngang cấp (có liên quan) với người lao động hoặc khách đến liên hệ công tác.

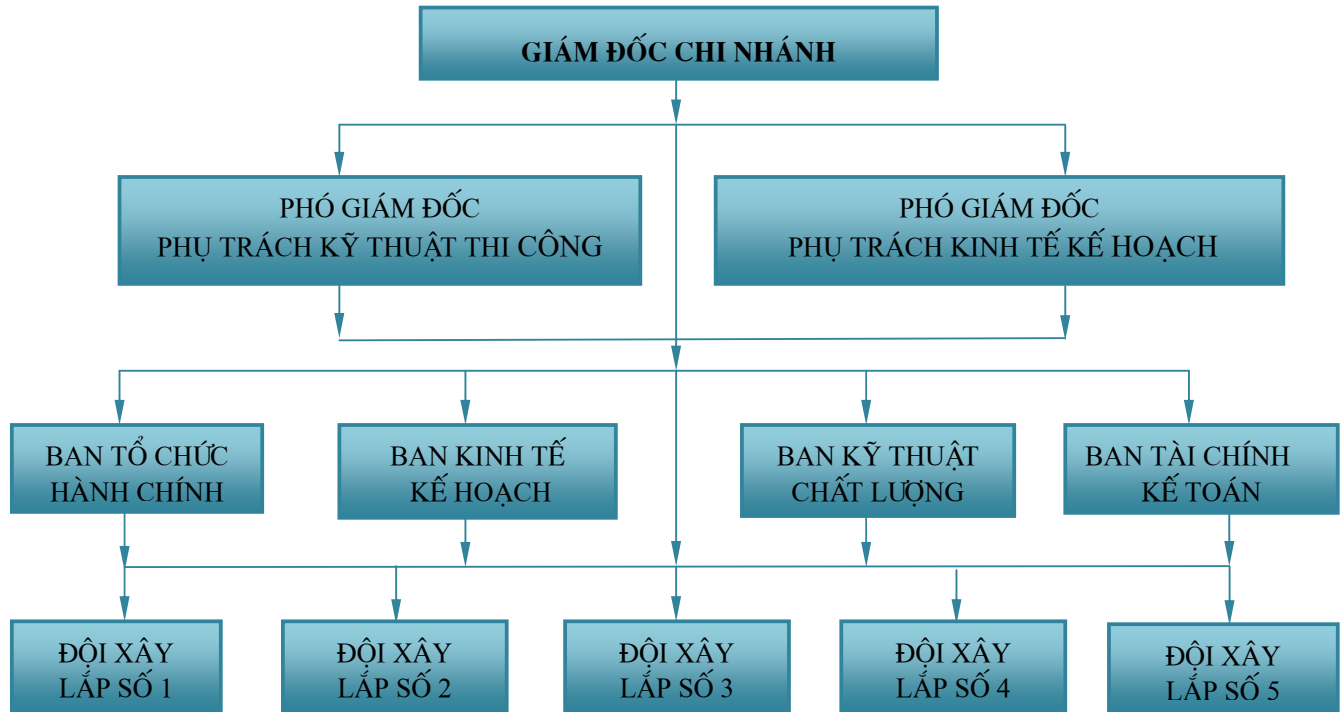
Các chi nhánh trực thuộc:

❖ **Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 406**

Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 406 được thành lập theo Quyết định số 05/QĐ-HĐQT ngày 20/11/2007 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 4 về việc thành lập Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 406.

- **Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:** 3813000035 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp ngày 14/01/2008.
- **Trụ sở chính:** Thị trấn Pleikân, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum.
- **Điện thoại:** 060 859173; **Fax:** 060 859173
- **Cơ cấu tổ chức:**

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC QUẢN LÝ
CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 406



➤ **Chức năng nhiệm vụ chính:**

- Thay mặt Công ty trực tiếp thi công công tác xây lắp tại công trình thủy điện Xêkamản 1;
- Hoạt động theo Giấy phép đăng ký kinh doanh của Công ty;
- Xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện, giao thông đường bộ, công trình công nghiệp, dân dụng, nhà ở và xây dựng khác;
- Thi công xây lắp đường dây và trạm biến áp đến 110KV;
- Sản xuất kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng;

❖ **Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 407**

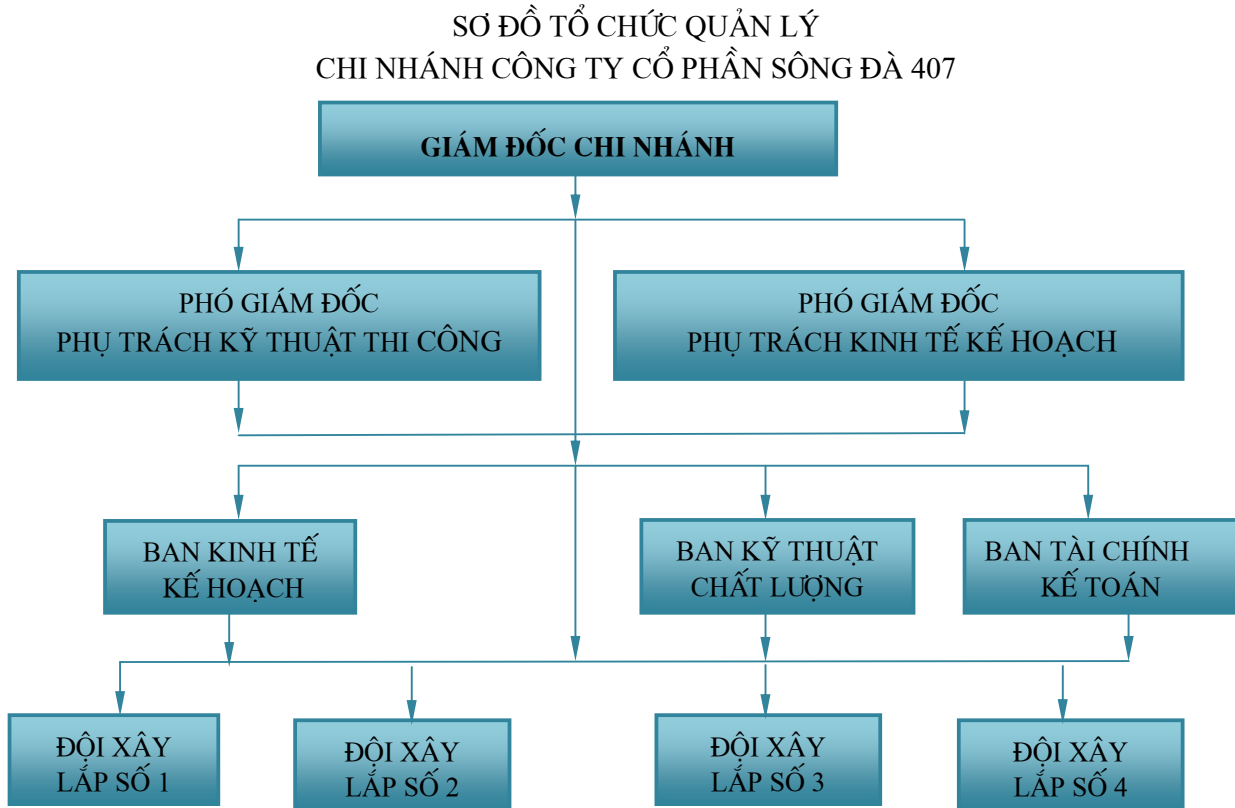
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 407 được thành lập theo Quyết định số 06/QĐ-HĐQT ngày 20/11/2007 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 4 về việc thành lập Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 407;

- **Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:** 4113031149 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/12/2007;
- **Trụ sở chính:** tại Khu C, Lô C25, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh;

➤ **Điện thoại:** 08 8939866;

Fax: 08 8939866

➤ **Cơ cấu tổ chức:**



➤ **Chức năng nhiệm vụ chính:**

- Thay mặt công ty trực tiếp thi công Công trình nhà máy xi măng Hạ Long, Công trình thủy điện Hà Tây;
- Hoạt động theo Giấy phép đăng ký kinh doanh của Công ty;
- Xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện, giao thông đường bộ, công trình công nghiệp, dân dụng, nhà ở và xây dựng khác;
- Thi công xây lắp đường dây và trạm biến áp đến 110KV;
- Sản xuất kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng;

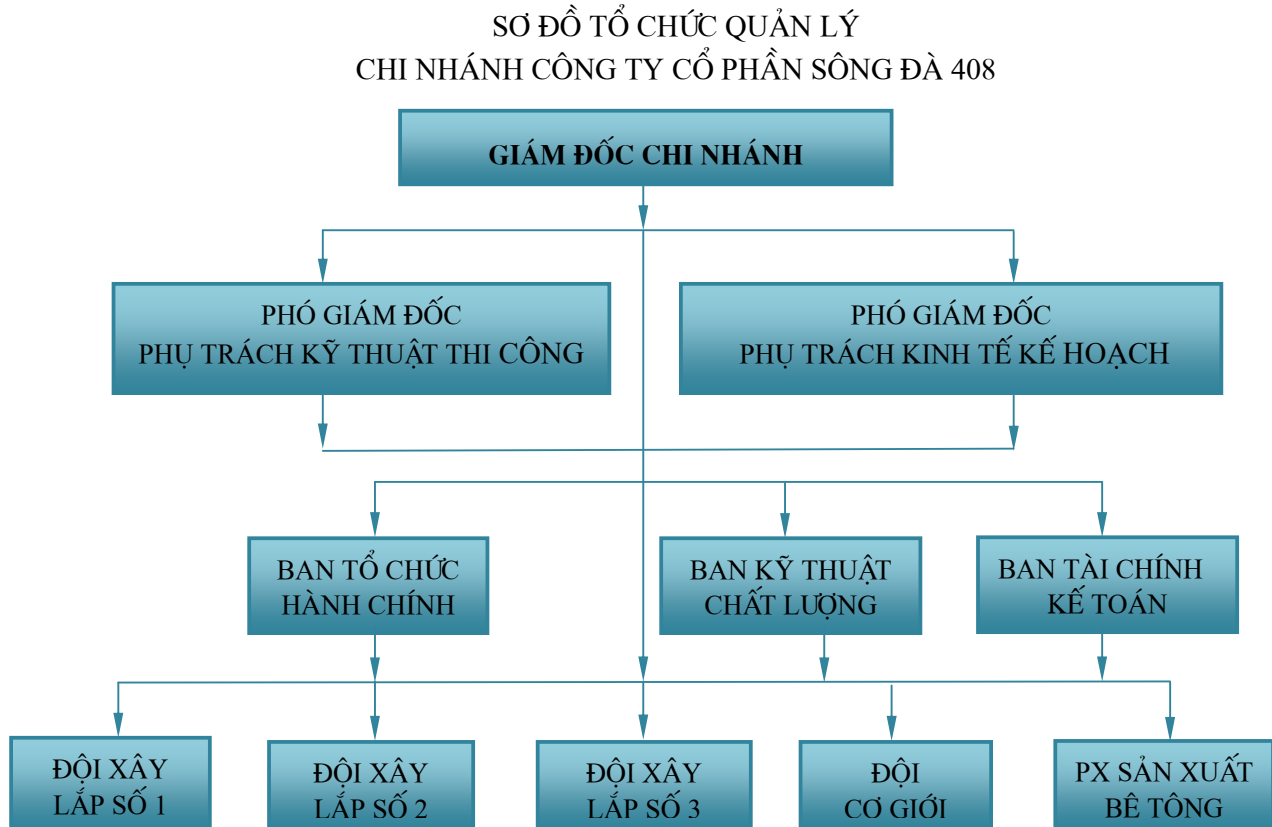
❖ **Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 408**

Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 408 được thành lập theo Quyết định số 07/QĐ-HĐQT ngày 20/11/2007 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 4 về việc thành lập Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 408;

➤ **Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:** 3913000099 do Sở Kế hoạch và Đầu tư

tỉnh Gia Lai cấp ngày 21/12/2007;

- **Trụ sở chính:** tại Công trình thủy điện Sê San 4, xã Iao, huyện Iagrai, tỉnh Gia Lai;
- **Điện thoại:** 059 840031; **Fax:** 059 840031
- **Cơ cấu tổ chức:**



➤ **Chức năng nhiệm vụ chính:**

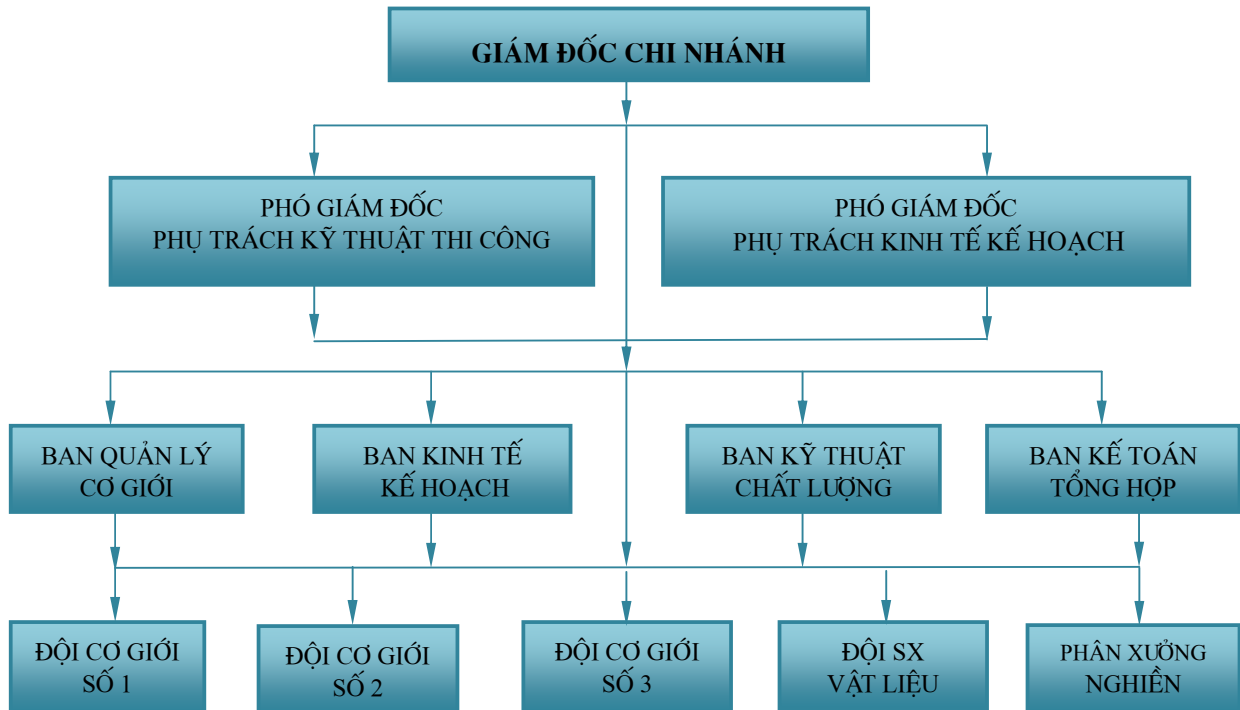
- Thay mặt Công ty trực tiếp thi công Công trình thủy điện Sê San 4;
- Hoạt động theo Giấy phép đăng ký kinh doanh của Công ty;
- Xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện, giao thông đường bộ, công trình công nghiệp, dân dụng, nhà ở và xây dựng khác;
- Thi công xây lắp đường dây và trạm biến áp đến 110KV;
- Sản xuất kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng;

❖ **Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 409**

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 409 được thành lập theo Quyết định số 08/QĐ-HĐQT ngày 20/11/2007 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 4 về việc thành lập Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 409;

- **Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:** 3813000036 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp ngày 17/01/2008
- **Trụ sở chính:** tại Thị trấn Pleikân, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum.
- **Điện thoại:** 060 881589; **Fax:** 060 881589
- **Cơ cấu tổ chức**

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC QUẢN LÝ
CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 409



➤ **Chức năng nhiệm vụ chính:**

- Thay mặt Công ty trực tiếp thi công công tác cơ giới tại Công trình Xêkaman 1;
- Hoạt động theo Giấy phép đăng ký kinh doanh của Công ty;
- Xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện, giao thông đường bộ, công trình công nghiệp, dân dụng, nhà ở và xây dựng khác;
- Thi công xây lắp đường dây và trạm biến áp đến 110KV;
- Sản xuất kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng;

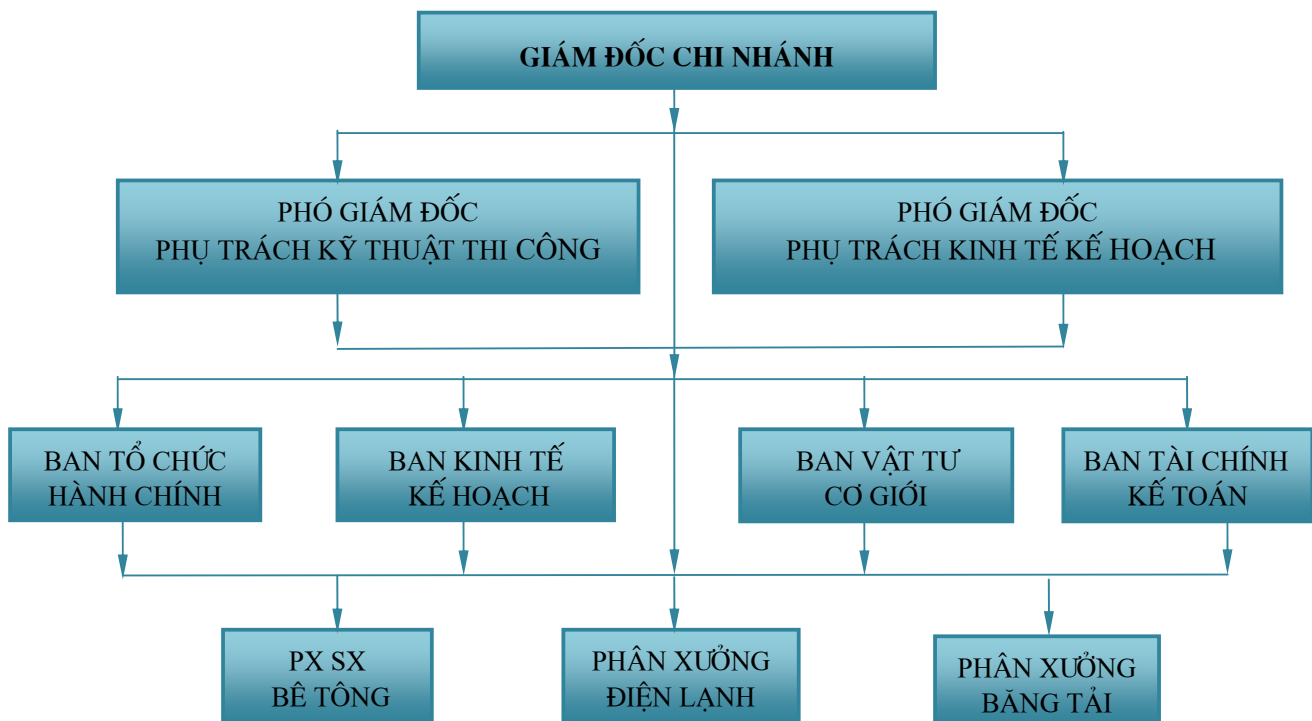
❖ **Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 410**

Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 410 được thành lập theo Quyết định số 09/QĐ-HĐQT ngày 20/11/2007 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 4 về việc thành lập Chi

nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 410;

- **Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:** 2713000211 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp ngày 02/01/2008;
- **Trụ sở chính:** Công trình Thủy điện Bản Vẽ, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An;
- **Điện thoại:** 0383 749192; **Fax:** 0383 749192
- **Cơ cấu tổ chức:**

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC QUẢN LÝ
CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 410



➤ **Chức năng nhiệm vụ chính:**

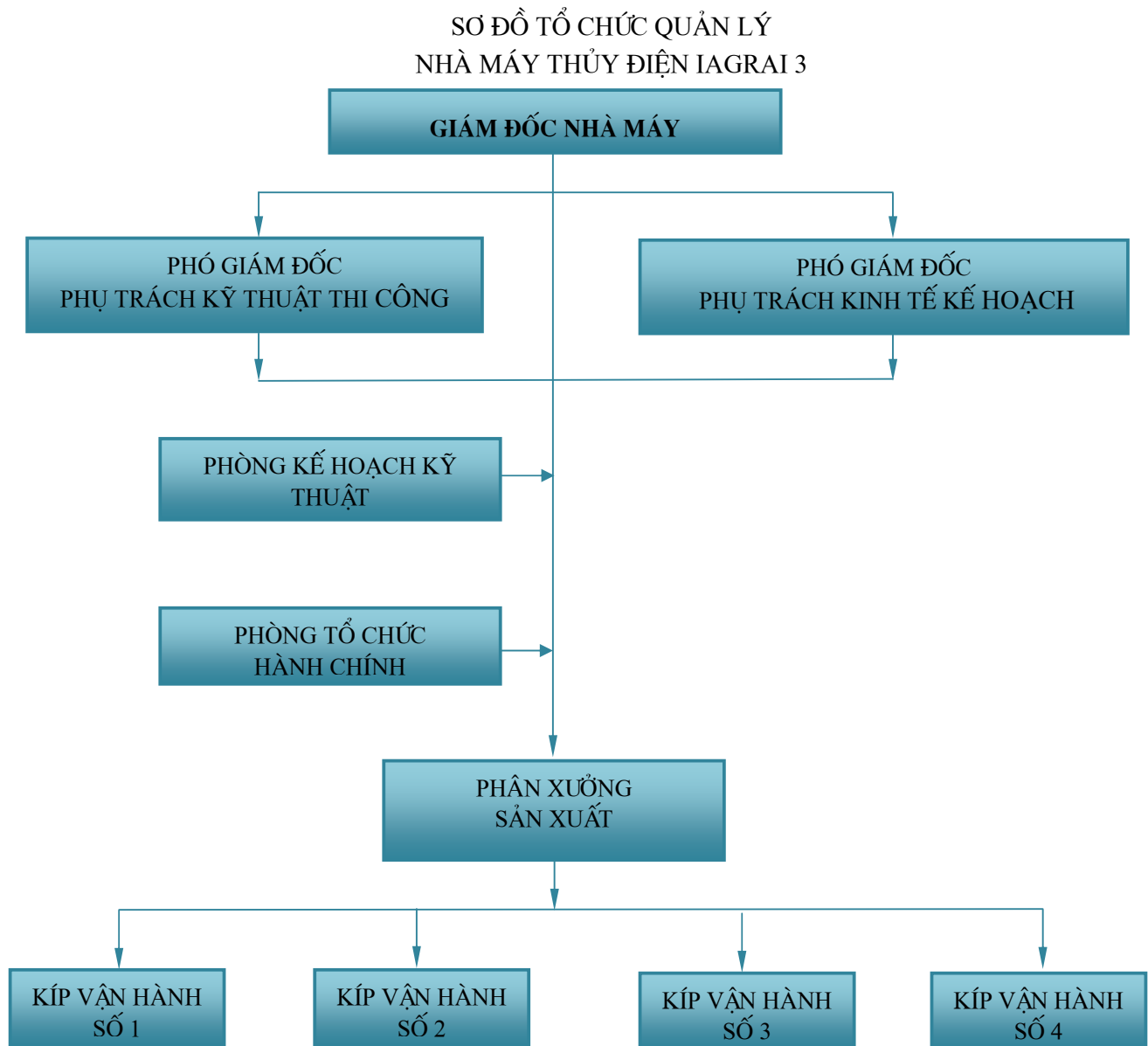
- Thay mặt công ty trực tiếp thi công tại Công trình thủy điện Bản Vẽ;
- Hoạt động theo Giấy phép đăng ký kinh doanh của Công ty;
- Xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện, giao thông đường bộ, công trình công nghiệp, dân dụng, nhà ở và xây dựng khác;
- Thi công xây lắp đường dây và trạm biến áp đến 110KV;
- Sản xuất kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng;

❖ **Nhà máy Thủy điện Iagrai 3**

- Nhà máy Thủy điện Iagrai 3 được thành lập theo Quyết định số 144/QĐ-HĐQT ngày

20/11/2007 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 4 về việc thành lập Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 4 – Nhà máy thủy điện Iagrai 3;

- **Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:** 3913000100 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp ngày 21/12/2007;
- **Trụ sở chính:** xã Iakhai, huyện Iagrai, tỉnh Gia Lai;
- **Điện thoại:** 059.840.240 **Fax:** 059.840.606
- **Cơ cấu tổ chức:**



➤ **Chức năng nhiệm vụ chính:**

- Thay mặt Công ty trực tiếp quản lý và vận hành Nhà máy thủy điện Iagrai 3;
- Sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm;
- Xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện, giao thông đường bộ, công trình công nghiệp và dân dụng;
- Thi công xây lắp đường dây và trạm biến áp đến 110KV;
- Sản xuất, kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng;

5. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông

5.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

Tổng công ty Sông Đà

- ❖ Địa chỉ: Nhà G10, Thanh Xuân, Hà Nội
- ❖ Điện thoại: (84-4)8.541.164
- ❖ Fax: (84-4)8.541.161
- ❖ Số cổ phần nắm giữ: 4.800.000 cổ phần, chiếm 64% tổng số cổ phần của Công ty Cổ phần Sông Đà 4

5.2. Danh sách cổ đông sáng lập

Theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 3903000162 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 15/11/2007, hiện tại, Tổng công ty Sông Đà là cổ đông sáng lập của CTCP Sông Đà 4 còn chịu hạn chế về chuyển nhượng cổ phần.

Theo quy định tại khoản 5, điều 84 - Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005 và Điều lệ CTCP Sông Đà 4, Cổ đông sáng lập nêu trên sẽ bị hạn chế chuyển nhượng số cổ phần đang sở hữu trong 3 năm, kể từ ngày Công ty được đăng ký kinh doanh lần đầu (tức ngày 15 tháng 11 năm 2007).

5.3. Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông của Công ty tại thời điểm 31/12/2007

STT	Cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ
1	Tổ chức	4.942.138	65,9%
	- Trong nước	4.942.138	65,9%
	- Nước ngoài	0	0,0%
2	Cá nhân	2.557.862	34,1%
	- Trong nước	2.557.862	34,1%
	+ CBCNV trong Công ty	1.139.862	15,2%
	+ Cổ đông ngoài Công ty	1.418.000	18,9%
	- Nước ngoài	0	0,0%
3	Tổng cộng	7.500.000	100,0%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Sông Đà 4)

6. Danh sách công ty mẹ, công ty con, những công ty mà Công ty Cổ phần Sông Đà 4 đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty

6.1. Công ty mẹ

Tổng công ty Sông Đà

- ❖ **Địa chỉ:** Nhà G10, Thanh Xuân, Hà Nội
- ❖ **Số điện thoại:** (84-4) 854 1164 / 854 1160
- ❖ **Fax:** (84-4) 854 1616
- ❖ **Số cổ phần nắm giữ:** 4.800.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 64% tổng số cổ phần của Công ty.

6.2. Công ty con và công ty liên kết

Công ty con: không có

Công ty liên kết

- ❖ **Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây nguyên**
 - **Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:** 3903000149 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh

Gia lai cấp ngày 03/08/2007.

- **Trụ sở:** 20 Phạm Văn Đồng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai;
- **Điện thoại:** 059 720098; **Fax:** 059 720098

- **Ngành nghề kinh doanh:**
 - Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện;
 - Sản xuất và kinh doanh điện năng;
 - Lắp đặt hệ thống điện.

- **Vốn điều lệ của Công ty:** 45.000.000.000 (Bốn mươi lăm tỷ) đồng

- **Giá trị vốn góp của Công ty vào CTCP Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên:** 15.750.000.000 (Mười lăm tỷ, bảy trăm năm mươi triệu) đồng, chiếm tỷ lệ 35% Vốn điều lệ. Tính đến thời điểm 31/12/2007, phần vốn đã góp của Công ty vào CTCP Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên là 1.720.427.257 (Một tỷ, bảy trăm hai mươi triệu, bốn trăm hai mươi bảy nghìn, hai trăm năm mươi bảy) đồng.

7. Hoạt động kinh doanh

7.1. Sản phẩm, dịch vụ

7.1.1 Các nhóm sản phẩm của Công ty

Công ty cổ phần Sông Đà 4 là một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực thi công xây dựng các công trình thủy điện, thủy lợi, giao thông và dân dụng. Công ty là đơn vị đi đầu trong việc nghiên cứu, áp dụng các công nghệ mới vào sản xuất như: Công nghệ thi công bê tông lạnh, bê tông đầm lăn cho các đập thủy điện. Các lĩnh vực sản xuất của Công ty được chia làm các nhóm như sau:

❖ Xây lắp:

Hoạt động xây lắp là mảng hoạt động chính của Sông Đà 4, với tỷ trọng chiếm từ 60%-70% tổng doanh thu hàng năm của Công ty. Trong những năm vừa qua, để trở thành một nhà thầu xây lắp mạnh, Công ty đã đầu tư đổi mới đồng bộ thiết bị dây chuyền thi công xây lắp hiện đại (Khoan nổ; đào xúc; vận chuyển; bê tông cốt thép) thuộc các hãng Komatsu, Kawasaki, Ingersoll-rand, Hyundai, Dawoo, Catepiller, Sumitomo, Kobelco... nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường xây dựng. Sản phẩm xây lắp của Công ty đã đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và chất lượng, được chủ đầu tư tin tưởng.

Với thế mạnh trong ngành nghề truyền thống là xây dựng các công trình thủy điện, thủy lợi, Công ty đã từng bước khẳng định vị trí của mình trên địa bàn Miền Trung và Tây Nguyên và Công ty đang mở rộng thị trường sang các khu vực lân cận và ra nước ngoài. Công ty đã và

đang tham gia xây dựng công trình thủy điện Xekaman1 - Huyện Atapơ - Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

❖ **Sản xuất các loại vật liệu xây dựng**

Để phục vụ cho quá trình xây lắp các công trình thủy điện, thủy lợi, Công ty đã đầu tư các dây chuyền có công nghệ hiện đại, sản xuất đá dăm và vữa bê tông.

Hệ thống dây chuyền bê tông hiện đại của Cộng hòa liên bang Đức sản xuất với công nghệ tiên tiến, bê tông được sản xuất tại nhà máy, vận chuyển bằng hệ thống băng tải và cần trục tháp, việc san đầm bê tông tại khối đổ hoàn toàn sử dụng máy san và đầm tự hành. Công tác sản xuất được tuân thủ theo điều kiện thiết kế kỹ thuật thi công cho từng hạng mục công trình. Bê tông thường được sản xuất các loại mác từ M100 đến M400, cỡ đá từ Dmax20-Dmax60 tùy theo kết cấu của từng hạng mục yêu cầu. Bê tông lạnh được sản xuất từ trạm trộn công suất 250 m³/h.

Đá dăm được nghiền thành nhiều cỡ hạt, công tác nghiền đá dăm đảm bảo các yêu cầu theo tiêu chuẩn để đưa vào thi công công trình.

❖ **Kinh doanh sản phẩm điện thương phẩm**

Đơn vị đã đầu tư và đưa vào sử dụng nhà máy thủy điện Iagrai3 với công suất lắp máy 7,5 MW thuộc huyện Iagrai - GiaLai. Hiện tại, Công ty đang triển khai đầu tư xây dựng dự án thủy điện Hà Tây công suất lắp máy 7,5MW thuộc huyện Chopãh - GiaLai.

Tháng 09 năm 2007, Công ty có thêm sản phẩm điện thương phẩm do nhà máy thủy điện Iagrai 3, huyện Iagrai, tỉnh Gialai có công suất 7,5 MW đi vào hoạt động, hoà lưới điện quốc gia.

7.1.2 Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

Cơ cấu doanh thu theo hoạt động qua các năm

Đơn vị: đồng

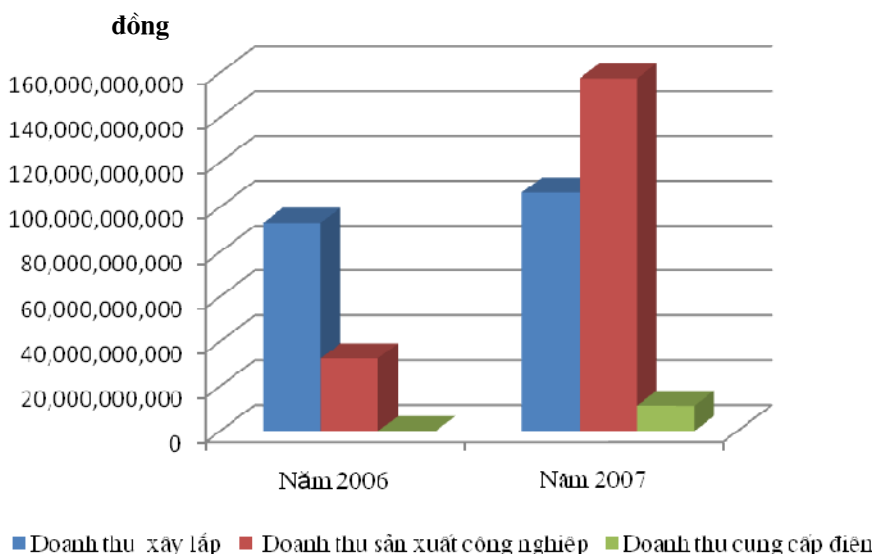
Chỉ tiêu	Năm 2006	Năm 2007	
	Giá trị	Từ 01/01/2007-14/11/2007	Từ 15/11/2007-31/12/2007*
Doanh thu hoạt động xây lắp	92.969.250.205	85.658.687.655	20.794.469.257
Doanh thu sản xuất công nghiệp	32.404.205.247	113.518.652.257	43.886.956.361

Chỉ tiêu	Năm 2006	Năm 2007	
	Giá trị	Từ 01/01/2007-14/11/2007	Từ 15/11/2007-31/12/2007*
Doanh thu cung cấp điện thương phẩm	0	7.168.643.501	4.101.686.456
Tổng cộng	125.373.455.452	206.345.983.413	68.783.112.074

(Nguồn: Công ty Cổ phần Sông Đà 4*)

* **Ghi chú:** Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ ngày 15/11/2007 theo Giấy ĐKKD số 39 03 00 01 62 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 15 tháng 11 năm 2007.

Biểu đồ: Cơ cấu doanh thu theo hoạt động qua các năm



Năm 2006, công trình thủy điện Sê San 3 thi công ở giai đoạn cuối, khối lượng công việc xây lắp đã cơ bản hoàn thành, Công ty phải di chuyển lực lượng thi công sang một số công trình thủy điện khác. Mặt khác, do lực lượng thi công phân tán và quy mô các công trình thủy điện rất nhỏ nên Doanh thu thuần năm 2006 của Công ty chỉ đạt 125.373.455.452.

Năm 2007, lực lượng thi công đi vào ổn định, Công ty tiếp tục thi công các công trình thủy điện Sê San 4, Iagrai 3, An Khê Kanak, Đăcpihao, Plêikrông, thủy điện Bản Vẽ. Chỉ tính riêng 11 tháng đầu năm 2007, Doanh thu thuần bằng 2,19 lần Doanh thu thuần năm 2006.

Đối với khoản mục doanh thu từ hoạt động bán điện thương phẩm, với công trình nhà máy thủy

điện Iagrai 3 được thi công và hoàn thành vào cuối quý III năm 2007, Công ty được ghi nhận thêm doanh thu từ mảng hoạt động này bắt đầu từ năm tài chính 2007.

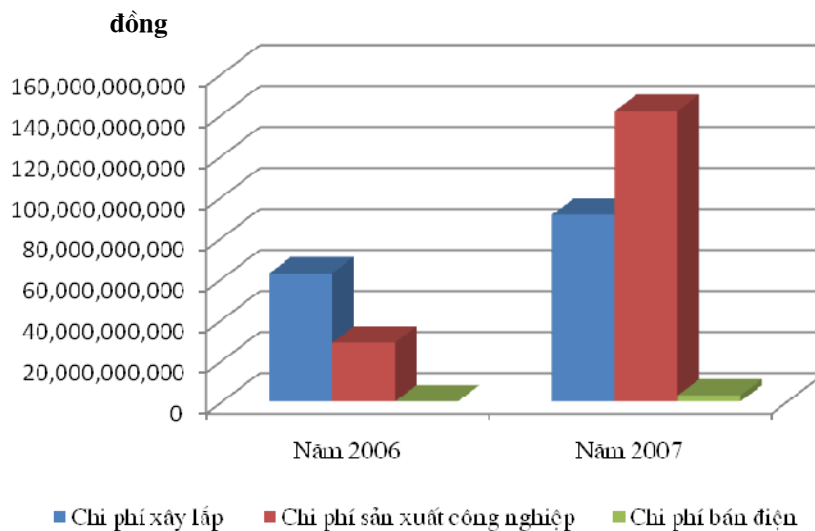
Cơ cấu chi phí theo hoạt động qua các năm

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2006	Năm 2007	
	Giá trị	Từ 01/01/2007-14/11/2007	Từ 15/11/2007-31/12/2007
Chi phí xây lắp	62.558.331.836	72.920.321.249	18.123.067.761
Chi phí sản xuất công nghiệp	28.650.981.824	100.756.527.788	41.019.788.203
Chi phí bán điện	0	2.103.619.767	798.879.684
Tổng	91.209.313.660	175.780.468.804	59.941.735.648

(Nguồn: Công ty Cổ phần Sông Đà 4)

Biểu đồ: Cơ cấu chi phí theo hoạt động qua các năm



Trong giai đoạn từ 01/01/2007 đến 14/11/2007, tỷ trọng Giá vốn/Doanh thu thuần của Công ty tăng 12,44% so với năm 2006. Nguyên nhân là do năm 2006 công trình thủy điện Sesan 3 được hoàn thành, chi phí cho công trình này giảm đi đáng kể.

Sang năm 2007, hoạt động sản xuất của Công ty tiếp tục được mở rộng với nhiều dự án được ký kết mới. Tuy nhiên, Công ty vẫn giữ được tỷ trọng Giá vốn/Doanh thu thuần đảm bảo hợp lý và

nằm trong mặt bằng chung với những doanh nghiệp cùng ngành là 84,70% (giai đoạn 01/01/2007 đến 14/11/2007) do Công ty đã có nhiều biện pháp quản lý kinh tế tài chính cũng như nhiều biện pháp quản lý thi công nhằm giảm giá thành sản phẩm, cụ thể như sau:

- ❖ Thường xuyên chỉ đạo công tác hạch toán sản xuất kinh doanh của Công ty như: Xây dựng định mức đơn giá nội bộ, quyết toán các khoản mục chi phí với người lao động, tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra định kỳ tại các xí nghiệp;
- ❖ Thường xuyên chỉ đạo cải tiến biện pháp thi công, sáng kiến kỹ thuật nhằm đảm bảo chất lượng các công trình và giảm giá thành sản phẩm.

Là doanh nghiệp hoạt động trong ngành xây dựng, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mang nhiều đặc thù của ngành: chi phí lãi vay/Doanh thu thuần lớn. Điều đó được thể hiện rõ ở bảng sau:

Chi phí lãi vay qua các năm

Chỉ tiêu	Năm 2006	Năm 2007	
		Từ 01/01/2007 đến 14/11/2007	Từ 15/11/2007 đến 31/12/2007
Chi phí lãi vay	26.651.356.991	16.059.950.779	5.869.482.972
Doanh thu thuần	125.373.455.452	206.345.983.413	68.783.112.074
Chi phí lãi vay/Doanh thu thuần	21,26%	7,78%	8,53%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Sông Đà 4)

Như đã giải thích ở trên, Doanh thu thuần năm 2006 của Công ty chỉ đạt 125.373.455.452, thấp hơn nhiều so với năm 2007. Ngoài ra, sang năm 2007, Công ty đã chủ động giảm chi phí lãi vay thông qua biện pháp tăng vòng quay vốn. Đồng thời, trong năm Công ty đầu tư hoàn thành nhà máy phát điện Iagrai 3, nhu cầu vay vốn trong kỳ giảm đi, kéo theo chi phí lãi vay trong kỳ giảm theo. Do đó, chi phí tài chính năm 2007 (từ 01/01/2007 đến 14/11/2007) đã giảm gần 10,6 tỷ đồng so với năm 2006, dẫn đến tỷ trọng Chi phí lãi vay/Doanh thu thuần năm 2007 (giai đoạn 01/01/2007 đến 14/11/2007) giảm đáng kể so với năm 2006.

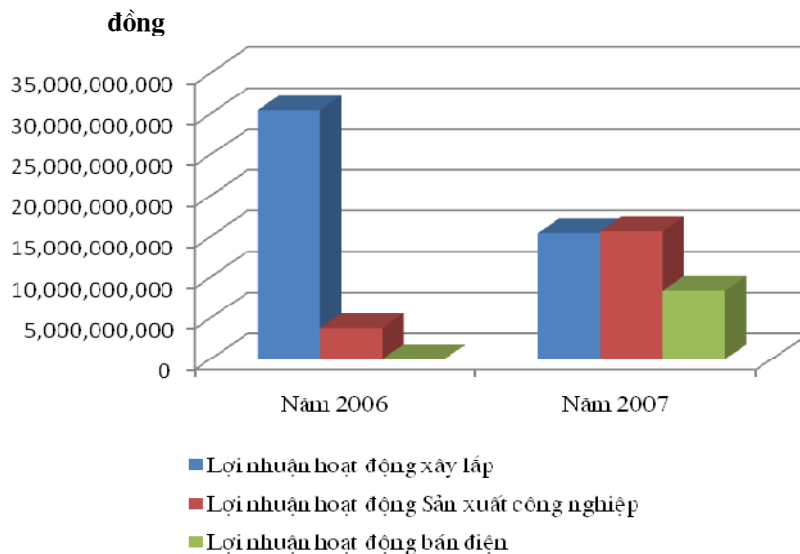
Cơ cấu lợi nhuận gộp theo hoạt động qua các năm

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2006	Năm 2007	
	Giá trị	Từ 01/01/2007-14/11/2007	Từ 15/11/2007-31/12/2007
Lợi nhuận từ động sản xuất xây lắp	30.410.918.369	12.738.366.406	2.671.401.496
Lợi nhuận từ hoạt động Sản xuất công nghiệp	3.753.223.423	12.762.124.469	2.867.168.158
Lợi nhuận từ hoạt động bán điện	0	5.065.023.734	3.302.806.772
Tổng cộng	34.164.141.792	30.565.514.609	8.841.376.426

(Nguồn: Công ty Cổ phần Sông Đà 4)

Biểu đồ: Cơ cấu lợi nhuận gộp theo hoạt động qua các năm



7.2. Nguyên vật liệu

7.2.1 Nguồn nguyên vật liệu

- ❖ **Các nguyên vật liệu sử dụng trong nước:** Xăng dầu, sắt thép, cát, đá, xi măng, các chất phụ gia, các phụ tùng sãm lốp ô tô, xe máy, thiết bị...
- ❖ **Nguyên vật liệu nhập khẩu:** Máy móc thiết bị phục vụ thi công các công trình thủy điện.....

Sản phẩm của đơn vị chủ yếu từ hoạt động xây lắp các trình thủy điện, thủy lợi, bê tông thương phẩm. Công ty đã sử dụng những loại vật liệu sau:

- ❖ Xi măng: Sử dụng xi măng PCB30, PCB40 có chứng chỉ chất lượng của nhà máy kèm theo và đã qua thí nghiệm kiểm chứng trước khi sử dụng đạt tiêu chuẩn TCVN 6260 - 1997; 14TCN 66 - 2002 và được đại diện chủ đầu tư chấp thuận;
- ❖ Đá, cát: Sử dụng đá khai thác tại mỏ đá số 4 và đá tận dụng từ đào hố móng nhà máy. Đá được nghiền tại hiện trường có chứng chỉ kiểm tra chất lượng đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 1771 - 87; 14TCN 70 - 2002. Cát được khai thác từ các sông trên địa bàn Tây Nguyên có chứng chỉ kiểm tra chất lượng đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 1770 -86; 14TCN 68 – 2002, thỏa mãn điều kiện kỹ thuật của công trình;
- ❖ Nước: Sử dụng nước sông đã được kiểm định tại trung tâm tiêu chuẩn đo lường thỏa mãn tiêu chuẩn TCXD 233: 1999, thỏa mãn điều kiện kỹ thuật của công trình;
- ❖ Chất phụ gia: Sử dụng phụ gia hóa dẻo PLAST - D1 của Tổng Công ty Sông Đà chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh sản xuất theo tiêu chuẩn ASTM C494 loại D, phụ gia hoá dẻo Sika, phụ gia Puzolan;
- ❖ Cốt thép: Sử dụng sản phẩm của Công ty thép Miền Nam, Công ty thép Việt Nhật, Công ty thép Việt Ý và Công ty Thép Pomina có chứng chỉ chất lượng của nhà máy và đã qua thí nghiệm kiểm chứng trước khi sử dụng, đáp ứng tiêu chuẩn TCVN-4453-1995 thỏa mãn điều kiện kỹ thuật của công trình;
- ❖ Cấp phối bê tông: Sử dụng cấp phối của từng công trình do nhà thầu lập và được đại diện chủ đầu tư chấp thuận.

Tất cả các nguyên vật liệu để phục vụ thi công đều là những vật liệu sẵn có trên thị trường. Khi có nhu cầu vật tư, Công ty lựa chọn nhà cung cấp thông qua biện pháp chào giá cạnh tranh. Riêng phụ gia Complas R dùng thi công bê tông đầm lăn tại công trình thủy điện Bản Vẽ là vật tư trong nước chưa sản xuất được nhưng nhà cung cấp cũng vẫn đáp ứng được tiến độ thi công công trình.

Danh sách một số nhà cung cấp nguyên vật liệu chính cho Công ty

Nhà cung cấp	Sản phẩm
1- Công ty TNHH Thương mại Minh Đức	Sắt thép các loại
2- Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung	Sắt thép các loại
3- Công ty Cổ phần xây dựng và kinh doanh Vật tư	Sắt thép các loại
4- Công ty Cổ phần Thép Việt Ý	Thép các loại

Nhà cung cấp	Sản phẩm
5- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sông Đà	Phụ gia PLAST-D1. G1
6- Công ty Xi măng Sông Đà - Yaly	Xi măng
7- Công ty Cổ phần Thương mại Bình Định	Xi măng
8- Công ty Cổ phần Thương mại & Vận tải Sông Đà	Phụ gia ConplasR
9- Công ty Cổ phần Sông Đà 12	Phụ gia Puzolan

(Nguồn: Công ty Cổ phần Sông Đà 4)

7.2.2 Sự bình ổn của các nguồn cung cấp

Là đơn vị có uy tín trên địa bàn Tây Nguyên, Công ty Sông Đà 4 đã từng bước tạo được uy tín đối với các nhà cung ứng nguyên vật liệu. Vì vậy, giá cả, khối lượng nguyên vật liệu luôn được cung ứng với các điều kiện hợp lý.

Do đặc thù của nguồn vật tư phục vụ thi công đều sẵn có trên thị trường, sự ổn định về nguồn nguyên liệu cũng như nhà cung cấp luôn được đảm bảo ở mức độ cao nhất. Ngoài ra, Công ty còn chủ động bóc tách toàn bộ vật tư chính, lập kế hoạch, tiến độ sử dụng vật tư gửi cho các nhà cung cấp để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của tất cả các bên.

Nhìn chung, nguồn nguyên vật liệu được cung cấp ổn định luôn đảm bảo đủ so với yêu cầu tiến độ đặt ra, các vật liệu đưa vào đều đảm bảo yêu cầu về mỹ kỹ thuật, đều có chứng chỉ xuất xứ hàng hóa... Công ty luôn duy trì việc đánh giá và đánh giá lại nhà cung ứng, lập danh sách những nhà cung ứng được phê duyệt và thực hiện việc ký kết hợp đồng hay hợp đồng nguyên tắc giữa hai bên; cung cấp đầy đủ thông tin cho đối tác, và thực hiện việc thanh toán đúng hạn, giúp đối tác an tâm trong việc thực hiện cung cấp ổn định cho Sông Đà 4.

7.2.3 Các kế hoạch và biện pháp chủ động nguyên vật liệu

- ❖ Ký kết các hợp đồng nguyên tắc về cung cấp nguyên vật liệu: Các nhà cung cấp thường là các doanh nghiệp lớn, đã kinh doanh nhiều năm đối với từng nhóm sản phẩm, có nhiều uy tín trong thị trường....;
- ❖ Chủ động tìm kiếm các nhà cung cấp mới trong và ngoài nước nhằm tạo sự chủ động về nguồn nguyên vật liệu, thiết bị thi công;
- ❖ Tìm hiểu và cập nhật các kiến thức về công nghệ, nguyên liệu, thiết bị thi công tiên tiến trên thị trường nhằm tạo ra sự chủ động trong việc dự đầu thầu và triển khai thi công.

7.2.4 Sự ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận

Là một công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây lắp, chi phí sản xuất của Công ty chịu nhiều ảnh hưởng bởi sự biến động giá cả vật liệu xây dựng như sắt thép, xi măng.... Khi giá cả vật liệu xây dựng tăng đột biến sẽ nhanh chóng tác động đến giá cả các yếu tố đầu vào của Công ty, đẩy chi phí lên cao đối với những hợp đồng thi công dài hạn đã ký. Điều này có thể gây ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Tuy vậy, nguyên vật liệu đầu vào của Công ty đều là những sản phẩm có sẵn và dồi dào trên thị trường, số lượng các nhà cung cấp nhiều. Do tính cạnh tranh cao trên thị trường cung cấp nguyên vật liệu, các nhà cung cấp chủ yếu cạnh tranh với nhau về giá, nên biến động về giá cả nguyên vật liệu đầu vào là không lớn và không thường xuyên.

Hiện nay, hầu hết các công trình mà Công ty đã và đang thi công đều được thực hiện theo cơ chế chỉ định thầu, chỉ một số ít các công trình là Công ty phải tham gia đấu thầu và phải thanh toán theo đơn giá chào cố định. Theo cơ chế đó, Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho nhà thầu theo giá vật liệu tới chân công trình tại từng thời điểm thi công công trình do UBND các tỉnh, địa phương ban hành hoặc đối với các loại vật liệu đặc chủng sẽ lấy theo giá hợp đồng mà nhà thầu đã mua. Do vậy, giá cả nguyên vật liệu đầu vào sẽ không gây ảnh hưởng lớn tới doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

7.3. Chi phí sản xuất

7.3.1. Cơ cấu các khoản mục chi phí của Công ty

Cơ cấu các khoản mục chi phí của Công ty

Đơn vị: triệu đồng

Khoản mục	Năm 2006		Từ 01/01/2007 - 14/11/2007		Từ 15/11/2007 - 31/12/2007	
	Giá trị	%/ D.Thu thuần	Giá trị	%/ D.Thu thuần	Giá trị	%/ D.Thu thuần
I. Giá vốn hàng bán	91.209	72,75	175.780	85,19	59.942	87,15
II. Chi phí tài chính	26.651	21,26	16.060	7,78	5.869	8,53
II. Chi phí QL Doanh nghiệp	10.573	8,43	14.253	6,91	2.734	3,97
V. Chi phí khác	4.525	3,61	0	0,00	16.383	23,82

(Nguồn: Công ty Cổ phần Sông Đà 4)

7.3.2. Các biện pháp giảm thiểu chi phí mà không ảnh hưởng đến chất lượng của sản phẩm dịch vụ

Công ty đã áp dụng hệ thống Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001 - 2000 vào hoạt động sản xuất kinh doanh của mình từ năm 2003 nên chi phí sản xuất luôn được kiểm soát một cách chặt chẽ theo đúng các quy trình quản lý ISO như: quy trình mua sắm nguyên vật liệu, thiết bị thi công; quy trình tuyển dụng và đào tạo nhân sự; quy trình kiểm soát quá trình thi công v.v... đảm bảo tính cạnh tranh với các doanh nghiệp khác.

Nhằm đạt lợi thế cạnh tranh, Công ty tập trung vào việc giảm chi phí song song với việc nâng cao chất lượng với các biện pháp sau:

- ❖ Tiếp tục nâng cao trình độ quản lý bằng hệ thống Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001 – 2000;
- ❖ Tiếp tục hoàn thiện, cải tiến, nâng cao hiệu quả các công nghệ đã có và nghiên cứu áp dụng các công nghệ mới, vật liệu xây dựng mới tiến bộ hơn qua các dự án có các nhà thiết kế, tư vấn, nhà thầu chính nước ngoài. Bằng cách này, Công ty đã tiết kiệm rất lớn chi phí đào tạo nguồn nhân lực và có thêm một yếu tố tăng tính cạnh tranh;
- ❖ Cải tiến, hoàn thiện cơ chế trả lương, thưởng, đề bạt cho CBCNV dựa trên hiệu quả mang lại của mỗi cá nhân hoặc tập thể, đơn vị;
- ❖ Tiếp tục chính sách tích cực đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện nguồn nhân lực sẵn có hoặc giúp đỡ, hỗ trợ cho CBCNV tự đào tạo nâng cao kỹ năng, tay nghề, chuyên môn nghiệp vụ.

7.4. Trình độ công nghệ

7.4.1 Máy móc thiết bị

Xuất phát từ nhu cầu trong hoạt động thi công xây lắp và sản xuất công nghiệp của Công ty, Sông Đà 4 đã đầu tư thiết bị thi công xây lắp và các dây chuyền sản xuất tiên tiến. Trong đó, tiêu biểu có thể kể đến một số máy móc thiết bị sau:

Một số máy móc thiết bị tiêu biểu của Công ty

STT	Tên xe máy thiết bị	Ký mã hiệu	Số lượng (Chiếc)	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Chất lượng còn lại %
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
A	Máy móc thiết bị						
I	Máy ủi - Máy đào - Máy xúc						
1	Máy ủi	D6R	2	Caterpillar	Mỹ	2001	45.0
2	Máy đào bánh xích	SK-480	2	Kobelco	Nhật	2002	45.0
3	Máy đào bánh xích	SUMITOMO	1	SUMITOMO	Nhật	2001	45.0
II	Trạm trộn bê tông						
1	Trạm trộn bê tông số 3	BM60	1		Việt Nam	2006	50.0
2	Trạm trộn bê tông số 4	BM60	1		Đức	2007	100.0
III	Trạm trộn 2betomix3.or.dw+ Thiết bị						
1	Trạm trộn 125 M3/h	2betomix3.or.dw	2	LIEBHEER	Đức	2004	75.0
2	Dây chuyền băng TOPBELT		1		Nhật	2004	80.0
3	Dây chuyền băng tải V/c bê tông OL1+OL3+MAST+ZIP		1		Nhật	2004	80.0
4	Dây chuyền băng		1		Nhật	2004	80.0

STT	Tên xe máy thiết bị	Ký mã hiệu	Số lượng (Chiếc)	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Chất lượng còn lại %
	tải V/c bê tông OL2						
5	Hệ thống băng tải cốt liệu		1	LIEBHEER	Đức	2004	75.0
IV	Máy khoan đá						
1	Máy khoan	ECM- 350	2	INGERSOLL-RAND	ấn Độ	2005	60.0
V	Trạm nghiền đá						
1	Máy nghiền đá	TDSU-90	1		Nga	2002	50.0
VI	Máy nén khí						
1	Máy nén khí	XP 750 -WCU	2	INGERSOLL-RAND	Mỹ	2005	70.0
VII	Cần trục						
1	Cần trục tháp MD 2200	S1 IP55/B3	1	POTAIN	Pháp	2004	50.0
2	Cần trục tháp MD 900B	S1 IP55/B3	1	POTAIN	Pháp	2004	70.0
3	Cần trục tháp TC 7030 B	TC 7030 B	1	ZOOMLION	Trung Quốc	2007	100.0
4	Cần trục bánh xích Sumitomo SC500-2	SC500-2	1	Sumitomo	Nhật bản	1999	80%
B	Phương tiện vận tải						

STT	Tên xe máy thiết bị	Ký mã hiệu	Số lượng (Chiếc)	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Chất lượng còn lại %
1	Xe Ôtô TOYOTA	LANDCRUISER	2	TOYOTA	Nhật	2002	65.0
2	Xe Ôtô MITSUBISHI	PAJERO GL V6	1	MITSUBISHI	Nhật	2004	85.0
3	Xe Ôtô FORD XLT	RANGER XLT	4	FORD	Mỹ	2005	55.0

(Nguồn: Công ty Cổ phần Sông Đà 4)

Máy móc thiết bị chính của Công ty chủ yếu được đầu tư mới vào năm 2004, 2005. Tính đến nay, khoảng 70% số lượng xe máy chiếm của Công ty chưa qua sửa chữa lớn lần đầu.

Hiện nay, Công ty có trên 150 đầu xe máy thiết bị với tổng giá trị nguyên giá gần 430 tỷ đồng. Những máy móc thiết bị và công nghệ trên đang được sử dụng thi công tại các công trình thủy điện lớn của Quốc gia như thủy điện Bản vẽ, thủy điện Sơn La, thủy điện Sê San 4, thủy điện Xêkaman 1, thủy điện Iagrai 3, thủy điện SêSan 3, thủy điện SêSan 3A. Với năng lực máy móc thiết bị hiện đại, Công ty đã nghiên cứu xây dựng và hoàn thiện được hệ thống định mức để giao khoán nội bộ và hạch toán sản xuất kinh doanh phù hợp với năng lực hiện có, tiết kiệm tối đa các chi phí, có tính cạnh tranh cao so với các đối thủ cạnh tranh.

Một số hình ảnh tiêu biểu về máy móc thiết bị của Công ty



Trạm trộn BM60



Xi lô trạm trộn bê tông



Cần cẩu HITACHI



Trạm lạnh sản xuất bê tông



Cần cẩu MD 900

7.4.2 Công nghệ thi công

Công ty đã triển khai áp dụng các công nghệ thi công tiên tiến trong lĩnh vực thi công xây lắp, sản xuất công nghiệp. Qua những công trình đã và đang thi công, Sông Đà 4 đang từng bước chứng tỏ khả năng nắm vững và vận dụng thành thạo các công nghệ này trong hoạt động sản xuất của mình.

Công nghệ thi công đầm lăn RCC (RCC – Roler Compacted Concrete)

- ❖ Phạm vi áp dụng: Công nghệ thi công bê tông đầm lăn (RCC) là công nghệ thi công bê tông tiên tiến hiện nay để thi công các công trình vĩnh cửu sử dụng khối lượng bê tông lớn như đập chắn nước của các nhà máy thủy điện hoặc các công trình thủy nông.
- ❖ Nguyên tắc chung: Hỗn hợp bê tông được trộn tại nhà máy (trạm trộn) sau đó được vận

chuyển ra hiện trường (đập) bằng ô tô tự đổ (băng tải), dùng máy ủi san hỗn hợp bê tông thành từng lớp, sau đó dùng máy đầm rung có tải trọng từ 7-8 tấn để đầm chặt. Thông thường chiều dày mỗi lớp từ 30-35 cm, tốc độ đầm rung khoảng 1km/h. Sau khi bê tông được đầm chặt lại tiếp tục đổ bê tông cho lớp tiếp theo cho đến khi hoàn thành khối đổ.

- ❖ Ưu khuyết điểm: Ưu điểm của công nghệ này là mức độ cơ giới hoá cao, tốc độ thi công nhanh. Việc áp dụng công nghệ thi công bê tông đầm lăn vào thi công các đập công trình thủy điện càng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng và Công ty cổ phần Sông Đà 4 là một trong những doanh nghiệp đi tiên phong trong lĩnh vực này.

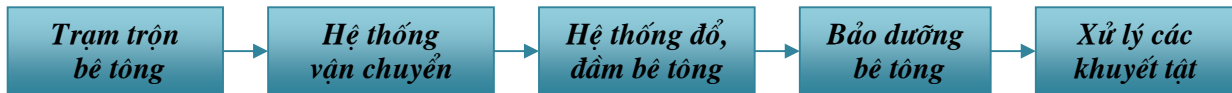
Quy trình sản xuất và thi công bê tông lạnh

- ❖ Bố trí thiết bị và sơ đồ các bước thi công

Công tác thi công bê tông được sản xuất từ 02 trạm bê tông dự lạnh. Việc bố trí thiết bị như sau :

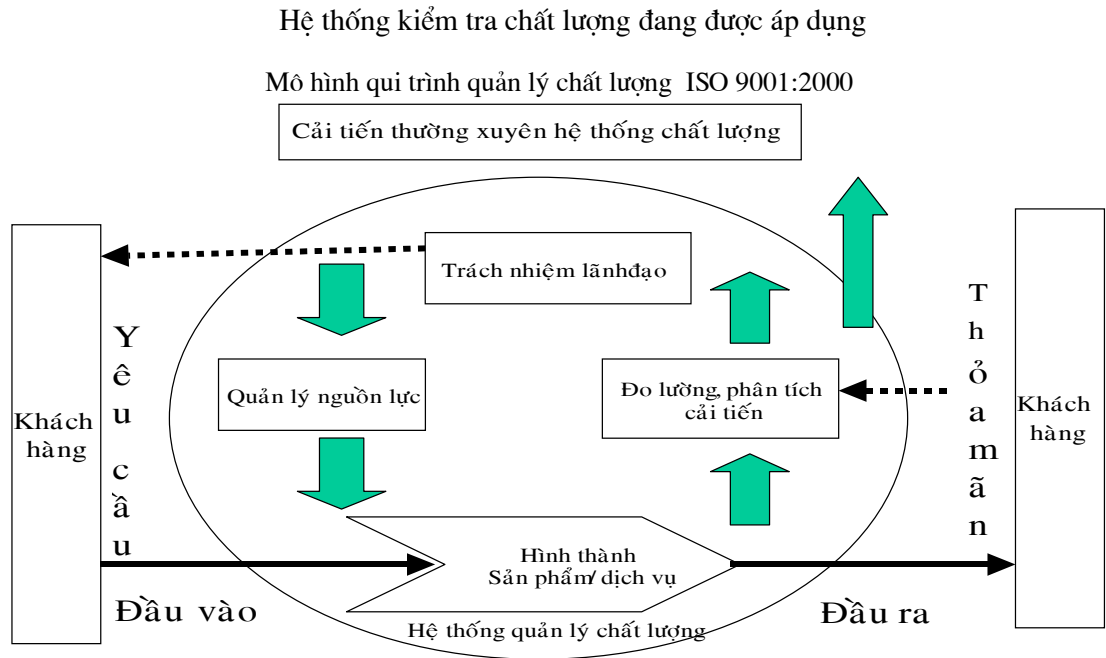
- Bố trí 01 cần trục băng tải MD200, hệ thống băng tải dài 345 m vận chuyển vữa bê tông từ trạm trộn (công suất 250 m³/h) tới các khối đổ;
- Bố trí một cột tháp MD2200 để đổ bê tông, vữa bê tông được vận chuyển từ trạm trộn (công suất 125 m³/h) tới khối đổ bằng các xe MIX 6m³ và xe ben 23 tấn;
- Ngoài ra để lắp đặt cốp pha, cột chống, cốt thép và đổ bê tông tại những vị trí cần trục tháp MD2200 không vươn tới được sử dụng 04 cần trục tháp

Sơ đồ công nghệ các bước thi công bê tông lạnh



- ❖ Trạm trộn hỗn hợp vữa bê tông
 - Si lô chứa cốt liệu và định lượng.
 - Một dãy si lô chứa cốt liệu kiểu thăng hàng gồm 05 si lô chứa các loại cốt liệu đường kính khác nhau. Thể tích toàn bộ si lô là 175m³;
 - 08 cửa định lượng hoạt động bằng điện – khí;
 - Si lô xi măng và tro bay;
 - Một dãy 06 si lô chứa xi măng và tro bay bao gồm 02 si lô chứa tro bay và 04 si lô chứa xi măng cho 04 loại xi măng khác nhau. Dung tích mỗi si lô 320m³ (khoảng 400T);
 - Mỗi si lô được lắp thiết bị hiển thị xi măng, tro bay, thiết bị lọc khí, thổi khí chống vón cục.

7.5. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm và dịch vụ



❖ Các giải pháp để thực hiện và duy trì :

- Thông qua nội dung tài liệu của Hệ thống QLCL, Công ty đảm bảo thực hiện các chuẩn mực cần thiết để kiểm soát các quá trình sản xuất, thi công. Các mục tiêu chất lượng được lượng hóa theo tiêu chuẩn cụ thể, có tính khả thi, có thời hạn và nhất quán với chính sách chất lượng của Công ty;
- Thiết lập một hệ thống thông tin nội bộ nhằm đảm bảo các thông tin về hoạt động của Công ty đến với các thành viên liên quan một cách đầy đủ, chính xác và kịp thời;
- Tổ chức các cuộc họp định kỳ và đột xuất, cuộc họp xem xét lãnh đạo nhằm đánh giá hoạt động tổng hợp, giải quyết những vấn đề nổi bật trong tháng, đề ra chương trình công tác cho tháng sau, phổ biến những thông tin chung của Công ty đến các khách hàng, các phòng ban Công ty.

❖ Các thông số kỹ thuật dùng để đánh giá tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm:

Các thông số kỹ thuật được xây dựng theo tiêu chuẩn chung, cụ thể như sau:

- Đối với các loại đá xây dựng:
 - Đá học: Chiều dày viên 10 cm, rộng < 2 lần chiều dày, mặt đá không được lồi lõm quá 3 cm;
 - Đá đẽo thô: Bề mặt đá có độ lồi lõm không quá 10 mm, cạnh dài nhỏ nhất là 15 cm,

không có góc nhỏ hơn 60°;

- Đá đẽo kỹ: Chiều dày và chiều dài viên đá nhỏ nhất là 15 cm và 30 cm, chiều rộng nhỏ nhất gấp rưỡi chiều dày và không nhỏ hơn 25 cm;
- Đá dăm sản xuất bê tông có cỡ hạt từ 0,5 đến 40 cm.

➤ Đối với bê tông và các sản phẩm của bê tông: Thông số được áp dụng theo bảng sau:

Kết cấu và phương pháp chế tạo	Độ cứng DC	Độ sụt SN (cm)
Cấu kiện bê tông cốt thép tháo khuôn sớm	20 - 10	0
Tấm phủ đường ô tô, đường băng	10 - 6	1 - 2
Bê tông toàn khối ít cốt thép	6 - 4	2 - 4
Cột, xà, dầm bằng bê tông cốt thép	< 4	4 - 8
Bê tông nhiều cốt thép	< 2	8 - 10
Các chi tiết lắp ghép nhà	-	12 - 18
Bê tông rất dày cốt thép	-	18 - 24

7.6. Hoạt động Marketing

Quảng bá thương hiệu và mở rộng thị trường là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Công ty. Với thương hiệu Sông Đà, Công ty khẳng định thương hiệu của mình bằng chất lượng, tiến độ các công trình mà Công ty đảm nhận thi công, tạo uy tín cho chủ đầu tư. Hiện tại, Công ty đang tập trung phát triển các thị trường sau:

❖ **Thị trường xây lắp:**

Công ty xác định phát huy thế mạnh của mình trong hoạt động xây lắp các công trình thủy điện.

❖ **Thị trường ngoài xây lắp và sản xuất công nghiệp:**

Công ty xác định đẩy mạnh hoạt động sản xuất bê tông thương phẩm và sản xuất đá dăm phục vụ thi công. Hoạt động này sẽ hỗ trợ tích cực cho việc hoàn thành tiến độ và chất lượng các công trình xây lắp của Công ty.

❖ **Thị trường điện:**

Bên cạnh hoạt động xây lắp, Công ty còn nỗ lực tìm kiếm cơ hội đầu tư các dự án thủy điện nhỏ và vừa trên địa bàn Miền Trung và Tây Nguyên.

Ngoài ra, Công ty đã và đang tập trung nâng cấp và đầu tư máy móc thiết bị cũng như công nghệ thi công. Với định hướng đầu tư như vậy, Sông Đà 4 đã tạo nên tên tuổi của một chủ đầu tư với trang thiết bị hiện đại và đồng bộ.

Cho đến nay, thương hiệu Sông Đà 4 đang dần được khẳng định qua các công trình thi công lớn như: Nhà máy thủy điện Sê San 3, nhà máy thủy điện Iagrai3, thủy điện Bản Vẽ. .v.v.... Cùng với việc trở thành công ty đại chúng và bước đầu tham gia vào thị trường chứng khoán, Công ty đang hướng tới việc quảng bá với các nhà đầu tư một hình ảnh Sông Đà 4 với cơ chế hoạt động minh bạch và tình hình tài chính lành mạnh.

Trong tương lai, Công ty có kế hoạch xây dựng và hoàn thiện chiến lược Marketing phù hợp với đặc thù hoạt động riêng của ngành nhằm nâng cao hình ảnh của Công ty đối với các nhà đầu tư cũng như các doanh nghiệp khác trong ngành.

7.7. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Logo Công ty:



SÔNG ĐÀ 4

Hiện nay, Công ty sử dụng logo của Tổng công ty Sông Đà, bên dưới có hàng chữ “ SÔNG ĐÀ 4”. Biểu tượng lô gô của Tổng công ty Sông Đà đã được Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ khoa học Công nghệ cấp giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 60204 theo Quyết định số A1024/QĐ-ĐK ngày 16/02/2005.

Nhãn hiệu “Sông Đà” theo giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 66125 theo quyết định số A9294/QĐ-ĐK ngày 24/8/2005 của Cục Sở hữu trí tuệ- Bộ Khoa học và Công nghệ và các nhãn hiệu theo giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 66123 và 66124.

7.8. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Các hợp đồng lớn đang thực hiện

TT	Tên công trình	Công suất	Chủ đầu tư	Giá trị (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện
01	Công trình thủy điện Sê San 4	360MW	Tổng Công ty Điện lực Việt nam	149,48	2004-2009
02	Công trình thủy điện	163 MW	Tổng Công ty Điện	191,33	2005-2009

TT	Tên công trình	Công suất	Chủ đầu tư	Giá trị (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện
	Ankhê- Kanak		lực Việt nam		
03	Công trình thủy điện Đăcpihao 2	8.2 MW	Công ty điện Gia Lai	9,6	2006-2007
04	Công trình thủy điện Bản vẽ	320 MW	Tổng Công ty Điện lực Việt nam	750	2006-2009
05	Công trình Trạm nghiền xi măng Hiệp Phước		Tổng Công ty Sông Đà	41,064	2007-2008
06	Công trình thủy điện Sêkaman 1	360 MW	Công ty Cổ phần thủy điện Việt Lào	750	2006-2010
07	Công trình thủy điện H'mun	14 MW	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển điện Gia Lai	26,133	2008-2009
08	Công trình thủy điện Hà Tây	7.5 MW	Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Nguyên	70	2008-2009

(Nguồn: Công ty Cổ phần Sông Đà 4)

Các hợp đồng lớn đang thực hiện với Tổng Công ty Sông Đà

TT	Nội dung hợp đồng	Số HĐ	Ngày ký	Đối tác	Giá trị (tỷ đồng)
01	Công trình thủy điện Sê San 4	02/BĐH/HĐKSS4	01/02/2005	Ban điều hành thủy điện Sê San 4	23,9
02	Công trình thủy điện Sê San 4	02A/BĐH/HĐKSS4	25/01/2007	Ban điều hành thủy điện Sê San 4	62,8
03	Công trình thủy điện Sê San 4	02A/BĐH/HĐKSS4	01/01/2006	Ban điều hành thủy điện Sê San 4	28,5

TT	Nội dung hợp đồng	Số HĐ	Ngày ký	Đối tác	Giá trị (tỷ đồng)
04	Công trình thủy điện Sê San 4	02A/BĐH/HĐKSS4	2008	Ban điều hành thủy điện Sê San 4	34,28
05	Công trình thủy điện An Khê- Kanak	01/2006/BĐH-SĐ4/06	31/3/2006	TCT Sông Đà	191,33
06	Công trình Hiệp Phước	02/HĐ-XD/XMHL/2006-SĐ4	23/9/2006	Ban điều hành Xi măng Hạ Long	39,23
07	Công trình Hiệp Phước	Phụ lục 04 của HĐ 02/ HĐXD /XMHL/06-SĐ4	05/01/2007	Ban điều hành Xi măng Hạ Long	0,313
08	Công trình Hiệp Phước	Phụ lục 05 của HĐ 02/ HĐXD /XMHL/06-SĐ4	18/05/2007	Ban điều hành Xi măng Hạ Long	41,064
09	Công trình thủy điện Xêkaman 1	08/2007/HĐ-SĐ	06/03/2007	TCT Sông Đà	17,03
10	Công trình thủy điện H'mun	02/2008/HĐ/H'MUN	05/01/2008	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển điện Gia Lai	26,133
11	Công trình thủy điện Hà Tây	-	2008	Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên	70

(Nguồn: Công ty Cổ phần Sông Đà 4)

Một số hình ảnh tiêu biểu về các công trình Sông Đà 4 đã và đang thi công



Nhà máy thủy điện Iagrai 3



Toàn cảnh nhà máy thủy điện Iagrai 3



Tuabin Nhà máy thủy điện Iagrai 3



Đập và lòng hồ nhà máy thủy điện Iagrai 3



Công trình thủy điện Sê san 3

8. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

8.1. Kết quả hoạt động kinh doanh

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh qua các năm

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2006	Năm 2007	
		Từ 01/01/2007 - 14/11/2007	Từ 15/11/2007 - 31/12/2007
Tổng giá trị tài sản	448.940.408.363	559.435.319.497	525.046.667.443
Doanh thu thuần	125.373.455.452	206.345.983.413	68.783.112.074
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	4.626.515.939	4.684.731.783	951.611.739
Lợi nhuận khác	-4.407.358.319	1.027.764.473	471.288.738
Lợi nhuận trước thuế	219.157.620	5.712.496.256	1.422.900.477
Lợi nhuận sau thuế	172.766.269	4.364.755.970	1.087.416.274
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-
Tỷ lệ trả cổ tức (%)	-	-	-

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2007)

Ghi chú: Tính đến thời điểm 14/11/2007 Công ty hoạt động theo hình thức công ty TNHH Nhà nước một thành viên.

8.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

Năm 2007, Công ty Sông Đà 4 thực hiện công tác chuyển đổi từ công ty TNHH Nhà nước một thành viên thành công ty cổ phần. Công tác tổ chức có sự thay đổi, kiện toàn lại bộ máy quản lý. Công ty gặp nhiều khó khăn trong công tác thi công các công trình, ảnh hưởng đáng kể tới sản lượng, doanh thu của Công ty. Tuy nhiên, năm 2007 vẫn ghi nhận sự tăng trưởng đáng kể về kết quả kinh doanh của Công ty. Cụ thể, so với năm 2006 tổng tài sản năm 2007 tăng 26,22%, doanh thu thuần tăng 64,58%, lợi nhuận sau thuế tăng 2.426,39% . Các nhân tố chính ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phải kể đến :

- ❖ Sự đổi mới trong công tác quản lý điều hành, bao gồm:
 - Công tác chỉ đạo điều hành sản xuất: Tổ chức sắp xếp theo hướng khoa học, khai thác lợi thế của từng chi nhánh. Mỗi chi nhánh đảm nhận một công trình riêng để tiện cho việc tập trung chỉ đạo sản xuất; thường xuyên chỉ đạo cải tiến biện pháp thi công, sáng kiến kỹ thuật nhằm đảm bảo chất lượng các công trình và giảm giá thành sản phẩm; phân công lãnh đạo Công ty chỉ đạo điều hành các công trình trọng điểm, có tiến độ thi công căng thẳng, điều kiện thi công phức tạp;
 - Công tác tổ chức đào tạo và lao động tiền lương: Liên tục hoàn thiện, đổi mới theo hướng nâng cao năng suất và hiệu quả làm việc của CBCNV; luôn đảm bảo thu nhập cũng như điều kiện sản xuất kinh doanh cho người lao động; nâng cao tay nghề của công nhân cũng như nghiệp vụ quản lý của các vị trí lãnh đạo;
 - Đối với công tác quản lý kinh tế, tài chính: Công ty chủ trương kiểm soát chặt chẽ công tác quản lý và ký kết hợp đồng kinh tế từ Công ty đến các xí nghiệp; thường xuyên yêu cầu các xí nghiệp báo cáo, trực tiếp đến các xí nghiệp kiểm tra nhằm chấn chỉnh kịp thời các sai phạm nếu có; liên tục rà soát, bổ sung, hoàn thiện các hệ thống quản lý kinh tế, tài chính cho phù hợp các quy định của Pháp luật và phù hợp với mô hình quản lý mới; xây dựng định mức đơn giá nội bộ, quyết toán các khoản mục chi phí với người lao động, tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra định kỳ tại các xí nghiệp.

❖ Sự hỗ trợ từ phía Tổng công ty Sông Đà:

Sự quan tâm chỉ đạo kịp thời của lãnh đạo Tổng công ty Sông Đà trong việc hỗ trợ doanh nghiệp giải quyết các vướng mắc, khó khăn trong quá trình sản xuất kinh doanh là nhân tố lớn giúp cho Công ty thực hiện thắng lợi kế hoạch kinh doanh.

❖ Hệ thống máy móc thiết bị hiện đại:

Hệ thống máy móc thiết bị hiện đại đã được đầu tư trong giai đoạn 2000 - 2006 chủ yếu là của các nước phát triển chế tạo với công nghệ sản xuất tiên tiến, hiện đại. Đây là lợi thế cho Công ty trong quá trình thi công, đảm bảo chất lượng cao và tiến độ thực hiện các công trình;

9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

❖ Triển vọng phát triển của ngành:

Trong những năm gần đây, trước sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế, nhu cầu về năng lượng điện cho sản xuất và sinh hoạt liên tục tăng cao, trong khi đó sản lượng điện của các nhà máy sản xuất còn nhiều hạn chế. Đến tháng 7 năm 2005, toàn bộ hệ thống điện có tổng công suất là 11.286 MW. Hệ thống cung cấp điện có tỷ lệ dự phòng khoảng 20% tổng công suất. Tuy nhiên, do tỷ lệ thủy điện chiếm tỷ lệ cao, một số nhà máy thủy điện lớn phải thực hiện cả chức năng chống lũ cho nên vào cuối mùa khô, tỷ lệ dự phòng còn rất thấp, hầu như không đáng kể và một số khu vực có thể xảy ra thiếu điện cục bộ.

Để đáp ứng mức độ tăng trưởng nhu cầu về sử dụng điện trong cả nước, Chính phủ đã phê duyệt quy hoạch phát triển Điện lực Việt Nam giai đoạn 2001 - 2010 có xét triển vọng đến năm 2020 tại Quyết định số 95/2001/QĐ-TTg ngày 22/6/2001 và được hiệu chỉnh theo Quyết định số 40/2003/QĐ-TTg ngày 21/03/ 2003 (Quy hoạch điện V). Trong đó, ưu tiên phát triển thủy điện, nhất là các công trình có lợi ích tổng hợp (cấp nước, chống lũ, chống hạn...); khuyến khích đầu tư các nguồn thủy điện nhỏ và vừa với nhiều hình thức để tận dụng nguồn năng lượng sạch, tái sinh này;

Trong khoảng 20 năm tới Việt Nam có kế hoạch xây dựng hầu hết các nhà máy thủy điện tại những nơi có khả năng xây dựng. Dự kiến đến năm 2020 tổng công suất các nhà máy thủy điện khoảng 12.000 - 14.000 MW.

Ngành xây dựng các công trình thủy điện là ngành có mối quan hệ chặt chẽ với ngành điện, đặc biệt là thủy điện.

Với chiến lược đầu tư phát triển nguồn thủy điện của Nhà nước hứa hẹn sẽ mở ra cơ hội rất lớn cho các Công ty hoạt động trong ngành này.

Ngoài ra, khi hoạt động xây lắp nói chung và xây lắp các công trình thủy điện nói riêng phát triển thì sẽ kéo theo sự phát triển của các hoạt động khác như: Hoạt động sản xuất công nghiệp (vật liệu xây dựng, bao gồm: đá dăm, bê tông thương phẩm..v.v...), hoạt động bán điện thương phẩm (các công trình thủy điện do chính Công ty làm chủ đầu tư)..v.v...

❖ **Vị thế của Công ty:**

Với thế mạnh trong ngành xây dựng các công trình thủy điện, thủy lợi, Sông Đà 4 đã từng bước khẳng định vị trí của mình trên địa bàn Miền Trung và Tây Nguyên. Hiện tại, Công ty đang có kế hoạch mở rộng thị trường sang các khu vực lân cận và ra nước ngoài. Bước khởi đầu, Công ty đã và đang tham gia xây dựng công trình thủy điện Xekaman1- Huyện Atapō - Nước CHDC Nhân Dân Lào.

Qua gần 20 năm xây dựng và phát triển, Công ty đã thi công nhiều công trình được Chủ đầu tư đánh giá hoàn thành đúng tiến độ và đảm bảo mỹ, kỹ thuật với chất lượng cao. Uy tín của Công ty ngày càng được củng cố và phát triển. Trong giai đoạn hiện nay và định hướng phát triển trong thời gian tới, Công ty không ngừng đổi mới, cải tiến kỹ thuật, áp dụng các biện pháp thi công tiên tiến và hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế.

- Về khách hàng: Sông Đà 4 đã trở thành đối tác tin cậy và tín nhiệm của các đơn vị thuộc tập đoàn Điện lực Việt Nam và các đơn vị khác ...;
- Về quản lý: Song song với kinh nghiệm thực tế được tích lũy qua các công trình lớn mà công ty đã tham gia, ngay từ thời kỳ đầu hoạt động, Sông Đà 4 đã tích cực nghiên cứu học hỏi nâng cao trình độ quản lý, áp dụng hệ thống quản lý khoa học, tiên tiến và có tính chuyên nghiệp cao mà điển hình là hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2000;

- Về nguồn nhân lực: Sông Đà 4 là một công ty có ban lãnh đạo uy tín, đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật có trình độ, kinh nghiệm; đội ngũ công nhân có tay nghề cao so với các công ty trong Tổng công ty Sông Đà. Với nguồn nhân lực giàu kinh nghiệm và tràn đầy nhiệt huyết, Sông Đà 4 hoàn toàn có thể triển khai những chương trình nâng cao năng lực cạnh tranh của mình và thực hiện một cách thành công chiến lược phát triển của mình;
- Về công nghệ: Thông qua những công trình lớn mà Sông Đà 4 đã tham gia, Sông Đà 4 đã nắm bắt được những công nghệ và phương thức quản lý xây dựng tiên tiến trên thế giới như: công nghệ sản xuất bê tông lạnh của hãng LIEBHERR (Cộng hòa Liên Bang Đức), công nghệ sản xuất đá dăm (Nga);
- ❖ Đánh giá sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới:

Trong thời gian tới, Sông Đà 4 định hướng sẽ tiếp tục tập trung vào hoạt động xây dựng các công trình thủy điện cũng như đẩy mạnh hoạt động đầu tư liên kết và góp vốn vào một số công ty trong cùng ngành hoạt động. Với định hướng này, Công ty sẽ phát huy được mặt mạnh của mình là một Công ty có truyền thống trong lĩnh vực xây lắp với trang thiết bị thi công đồng bộ, tiên tiến. Đồng thời, đây cũng là hướng phát triển phù hợp với tình hình phát triển hiện nay của Đất nước cũng như triển vọng phát triển của ngành xây lắp các công trình điện nói chung, công trình thủy điện nói riêng.

10. Chính sách đối với người lao động

10.1. Số lượng người lao động trong Công ty

Tính đến hết 31/12/2007, Công ty Cổ phần Sông Đà 4 có 945 cán bộ công nhân viên không kể số lao động thời vụ. Trong đó số người có trình độ đại học và trên đại học chiếm 13,23%, nhóm chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu lao động của công ty là công nhân kỹ thuật với 780 người, chiếm 82,54%.

Cơ cấu lao động theo trình độ

STT	Trình độ	Số lượng	Tỉ lệ
1	Đại học và Cao Đẳng	125	13,23%
2	Trung + Sơ cấp	40	4,23%
3	Công nhân kỹ thuật	780	82,54%
Tổng cộng		945	100%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Sông Đà 4)

Người lao động trong Công ty đều có hợp đồng lao động theo đúng luật lao động và được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định hiện hành của pháp luật về Luật lao động và các khoản trợ cấp, thưởng, và được đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội...

10.2. Chính sách đào tạo

Công ty có xây dựng một quy chế cụ thể về chính sách đào tạo được công bố công khai tới toàn bộ CBCNV trong Công ty.

Các chương trình đào tạo được tổ chức phù hợp với yêu cầu công việc, chuyên môn của người lao động. Bên cạnh hình thức đào tạo về nội quy an toàn lao động, kiến thức lao động phổ thông cho toàn thể nhân viên, các kỹ năng quản lý, điều hành, lý luận chính trị đối với cấp quản lý, lãnh đạo cũng được đặc biệt chú trọng. Ngoài ra, các khóa học nâng cao tay nghề cũng được tổ chức theo định kỳ nhằm tạo điều kiện cho CBCNV có cơ hội trao đổi kinh nghiệm và mở rộng kiến thức.

10.3. Chính sách lương, thưởng, trợ cấp

❖ Chế độ tiền lương

Đơn vị thực hiện chi trả lương cho người lao động theo chế độ của Nhà nước quy định về hệ thống thang lương, bảng lương và trợ cấp lương trong các Công ty nhà nước.

❖ Chế độ làm việc

- Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày, 6 ngày/tuần, nghỉ trưa 1h. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh thì CBCNV Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của nhà nước và đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động.
- Nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết: CBCNV được nghỉ lễ và Tết 8 ngày theo quy định của Bộ Luật Lao động, CBCNV có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày mỗi năm. CBCNV có thời gian làm việc tại Công ty chưa đủ 12 tháng thì số ngày được nghỉ phép trong năm được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Ngoài ra, cứ 05 năm làm việc tại CBCNV lại được cộng thêm 01 ngày phép.
- Nghỉ ốm, thai sản: CBCNV Công ty được nghỉ ốm 03 ngày (không liên tục) trong năm và được hưởng nguyên lương. Trong thời gian nghỉ thai sản, ngoài thời gian nghỉ 04 tháng với chế độ bảo hiểm theo đúng quy định còn được hưởng thêm 04 tháng lương cơ bản do Bảo hiểm xã hội chi trả.
- Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc, nhà xưởng khang trang, thoáng mát. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

- ❖ Chính sách tuyển dụng, đào tạo
 - Tuyển dụng: Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra những tiêu chuẩn phù hợp với yêu cầu của công việc;
 - Chính sách thu hút nhân tài: Công ty có chính sách lương, thưởng đặc biệt đối với các nhân viên giỏi và nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan. Chính sách này nhằm hỗ trợ Công ty trong việc giữ chân nhân viên lâu dài. Mặt khác, Công ty cũng có cơ hội để “chiêu hiền đãi sĩ”, thu hút nhân lực giỏi từ nhiều nguồn khác nhau về làm việc.
- ❖ Chính sách lương, thưởng, phúc lợi
 - Chính sách lương: Công ty xây dựng chính sách lương riêng phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc của từng người. Cán bộ công nhân viên thuộc khối văn phòng và gián tiếp được hưởng lương tháng, công nhân sản xuất trực tiếp được hưởng lương khoán theo khối lượng công việc hoàn thành.
 - Bảo hiểm và phúc lợi: Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được Công ty trích nộp đúng theo quy định của pháp luật.
 - Tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên: Công đoàn và Đoàn Thanh niên Công ty hoạt động khá hiệu quả. Các phong trào thể dục thể thao, văn nghệ của công nhân viên diễn ra hàng năm rất sôi nổi, tạo điều kiện cho công nhân viên Công ty được nâng cao đời sống tinh thần và rèn luyện sức khỏe.

11. Chính sách cổ tức

Công ty Cổ phần Sông Đà 4 được thành lập vào ngày 15 tháng 11 năm 2007. Vì vậy trong những năm trước, Công ty không thực hiện việc chi trả cổ tức. Năm 2008 Công ty dự kiến chi trả cổ tức là 12%, năm 2009 chi trả cổ tức 14%, năm 2010 là 15%.

12. Tình hình hoạt động tài chính

12.1 Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

❖ **Trích khấu hao Tài sản cố định**

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình và TSCĐ thuê tài chính: Khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình và thuê tài chính được thực hiện theo phương pháp đường thẳng và theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao áp dụng phù hợp với tỷ lệ khấu hao quy định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
Máy móc, thiết bị	05-08 năm
Phương tiện vận tải	06-10 năm
Thiết bị văn phòng	03 năm

Tài sản cố định thuê tài chính được trích khấu hao theo thời hạn thuê TSCĐ.

❖ **Mức lương bình quân**

Đơn vị: đồng/người/tháng

Năm	Thu nhập bình quân CBCNV
2006	1.676
2007	2.300

(Nguồn: Công ty Cổ phần Sông Đà 4)

❖ **Thanh toán các khoản nợ đến hạn**

Công ty luôn thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ.

❖ **Các khoản phải nộp theo luật định**

Công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế VAT, thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Nhà nước.

❖ **Trích lập các quỹ theo luật định**

Việc trích lập các quỹ được thực hiện dựa trên các căn cứ sau:

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ của Công ty;
- Kế hoạch sản xuất trong thời gian tới;
- Điều lệ Công ty;
- Đề xuất của HĐQT và sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông.

Công ty bắt đầu đi vào hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ ngày 15/11/2007, do đó đến thời điểm 31/12/2007 số dư tại các quỹ của Công ty (bao gồm: quỹ Đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khen thưởng phúc lợi) đều bằng 0.

❖ **Tổng dư nợ vay**

• **Tình hình nợ vay của Công ty**

Tại thời điểm 31/12/2007 tình hình nợ vay của Công ty như sau:

Vay ngắn hạn: 101.775.990.621 đồng

Vay dài hạn: 230.850.416.285 đồng

Tổng cộng: 332.626.406.906 đồng

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán giai đoạn 15/11/2007 đến 31/12/2007)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2007

STT	Ngân hàng	Hợp đồng số	Ký ngày	Hạn mức	Dư nợ tại 31/12/07 (triệu đồng)	Thời hạn	Lãi suất (%)	Mục đích
I	Công thương Gia Lai			13.000	12.300			
		170/HĐTD	31/8/07	1.600	1.600	04 tháng	0,95	Vay vốn lưu động thi công các công trình thủy điện
		229/HĐTD	9/10/07	1.400	1.400	04 tháng	0,95	Vay vốn lưu động thi công các công trình thủy điện
		238/HĐTD	12/10/07	4.300	4.300	04 tháng	0,95	Vay vốn lưu động thi công các công



								trình thủy điện
		256/HĐTD	5/11/07	5.000	5.000	04 tháng	0,95	Vay vốn lưu động thi công các công trình thủy điện
II	Đầu tư Gia Lai			50.000	59.748			
1	Các khoản vay			50.000	49.280,2			
		Số22/2007 HĐTD	3/8/07	4.000	4.000	06 tháng	0,94	Vay vốn lưu động thi công các công trình thủy điện
		Số23/2007 HĐTD	14/08/0 7	3.620	3.620	06 tháng	0,94	Vay vốn lưu động thi công các công trình thủy điện
		Số24/2007 HĐTD	24/8/07	4.658	4.658	06 tháng	0,93	Vay vốn lưu động thi công các công trình thủy điện
		Số25/2007 HĐTD	4/9/07	3.500	3.500	06 tháng	0,93	Vay vốn lưu động thi công

								các công trình thủy điện
		Số26/2007 HĐTD	14/9/07	2.500	2.500	06 tháng	0,93	Vay vốn lưu động thi công các công trình thủy điện
		Số27/2007 HĐTD	20/9/07	1.943	1.943	06 tháng	0,93	Vay vốn lưu động thi công các công trình thủy điện
		Số28/2007 HĐTD	3/10/07	1.500	1.500	06 tháng	0,93	Vay vốn lưu động thi công các công trình thủy điện
		Số29/2007 HĐTD	4/10/07	3.457	3.457	06 tháng	0,93	Vay vốn lưu động thi công các công trình thủy điện
		Số30/2007 HĐTD	5/10/07	1.400	1.400	06 tháng	0,93	Vay vốn lưu động thi công các công trình thủy điện
		Số31/2007	11/10/0	1.400	1.400	06	0,93	Vay vốn

		HĐTD	7			tháng		lưu động thi công các công trình thủy điện
		Số32/2007 HĐTD	19/10/0 7	2.650	2.650	06 tháng	0,93	Vay vốn lưu động thi công các công trình thủy điện
		Số33/2007 HĐTD	26/10/0 7	963	963	06 tháng	0,93	Vay vốn lưu động thi công các công trình thủy điện
		Số34/2007 HĐTD	29/10/0 7	1.767	1.767	06 tháng	0,93	Vay vốn lưu động thi công các công trình thủy điện
		Số35/2007 HĐTD	7/11/07	1.601	1.601	06 tháng	0,93	Vay vốn lưu động thi công các công trình thủy điện
		Số36/2007 HĐTD	27/11/0 7	1.900	1.900	06 tháng	0,93	Vay vốn lưu động thi công các công trình



								thủy điện
		Số37/2007 HĐTD	30/11/0 7	3.500	3.500	06 tháng	0,93	Vay trả tiền mua vật tư
		Số38/2007 HĐTD	13/12/0 7	3.024	3.024	06 tháng	0,93	Vay vốn trả tiền mua vật tư
		Số39/2007 HĐTD	13/12/0 7	693,5	693,5	06 tháng	0,93	Vay vốn trả tiền mua vật tư
		Số40/2007 HĐTD	20/12/0 7	4.300	4.300	06 tháng	0,93	Vay vốn trả tiền mua vật tư
		Số41/2007 HĐTD	31/12/0 7	903,7	903,7	06 tháng	0,93	Vay vốn trả tiền mua vật tư
2	Vay bác cầu dự án Iagrai 3			10.467,8	10.467,8			
		Số05/2007 HĐTD	26/9/07	2.498	2.498	06 tháng	0,94	Thanh toán KLXLH T công trình Iag rai3
		Số05/2007 HĐTD	1/10/07	2.233	2.233	06 tháng	0,94	Thanh toán KLXLH T công trình Iag



								rai3
		Số05/2007 HĐTD	28/11/0 7	1.641	1.641	06 tháng	0,94	Thanh toán KLXLH T công trình lag rai3
		Số05/2007 HĐTD	26/12/0 7	4.095,8	4.095,8	06 tháng	0,94	Thanh toán KLXLH T công trình lag rai3
III	No&PTNT Gia Lai			20.000	18.224			
		Giấy nhận nợ 41	27/9/07	800	800	04 tháng	0,94	Vay vốn lưu động thi công các công trình thủy điện
		Giấy nhận nợ 42	11/10/0 7	800	800	04 tháng	0,94	Vay vốn lưu động thi công các công trình thủy điện
		Giấy nhận nợ 43	12/11/0 7	3.600	3.600	04 tháng	0,94	Vay vốn lưu động thi công các công trình thủy điện
		Giấy nhận nợ 44	14/11/0 7	5.224	5.224	04 tháng	0,94	Vay vốn lưu động thi công

								các công trình thủy điện
		Giấy nhận nợ 45	29/11/07	5.500	5.500	04 tháng	0,94	Vay vốn lưu động thi công các công trình thủy điện
		Giấy nhận nợ 46	31/12/07	2.300	2.300	04 tháng	0,94	Vay vốn lưu động thi công các công trình thủy điện
IV	Ngoại thương Gia Lai			30.000	11.504			
		Giấy nhận nợ 05	6/7/07	2.200	2.200	06 tháng	0,88	Vay vốn lưu động thi công các công trình thủy điện
		Giấy nhận nợ 06	17/7/07	3.611	3.611	06 tháng	0,88	Vay vốn lưu động thi công các công trình thủy điện
		Giấy nhận nợ 07	26/7/07	2.800	2.800	06 tháng	0,88	Vay vốn lưu động thi công các công trình thủy điện

								trình thủy điện
		Giấy nhận nợ 08	1/8/07	2.293	2.293	06 tháng	0,88	Vay vốn lưu động thi công các công trình thủy điện
		Giấy nhận nợ 09	30/8/07	600	600	06 tháng	0,88	Vay vốn lưu động thi công các công trình thủy điện
	Tổng cộng			90.000	101.776			

Đơn vị: triệu đồng

Ghi chú: USD quy đổi tại thời điểm 31/12/2007 theo tỷ giá Ngân hàng Ngoại thương là: 16.030 đồng.

(Nguồn: Công ty Cổ phần Sông Đà 4)

Chi tiết các khoản vay trung dài hạn tại thời điểm 31/12/2007

STT	Ngân hàng	Hợp đồng số	Ký ngày	Hạn mức		Dư nợ tại 31/12/07 (triệu đồng)	Thời hạn	Lãi suất (%)	Mục dịch
				VND (triệu đồng)	USD (nghìn)				
1	Công th- uong Gia Lai			38.736	-	5.443			
		03/HĐT D	01/08/02	36.636		3.493	66 tháng	0,87	Đầu tư thiết bị thi công
		52/HĐT	26/09/07			1.950	48	1,00	Đầu tư

		D		2.100			tháng		cần trực
2	Đầu tư và Phát triển Gia Lai			267.563	4.165,5	169.206			
		01/2003/ HĐTD	12/02/03	149.292	4.165,5	84.164	92 tháng	0,90	Đầu tư dây chuyền bê tông lạnh
		01/2006/ HĐ	05/10/06	118.271		85.042	126 tháng	1,03	Đầu tư Công trình thủy điện Iagrai3
3	Tổng Công ty Sông Đà			69.293		56.201			
		HĐTD 04/HĐT D	20/03/04	16.293		4.290	60 tháng	0,97	Đầu tư cần trục MD900
		11/HĐT D/2005	05/12/05	30.000		30.000	12 tháng	0,97	Dây chuyền bê tông lạnh
		02/2007/ HĐTD	27/12/06	23.000		15.911	12 tháng	0,97	Dây chuyền bê tông lạnh
	Tổng cộng			375.591	4.165,5	230.850			

Ghi chú: USD quy đổi tại thời điểm 31/12/2007 theo tỷ giá Ngân hàng Ngoại thương là: 16.030 đồng.

(Nguồn: Công ty Cổ phần Sông Đà 4)

❖ **Tình hình công nợ hiện nay**

➤ Các khoản phải thu

Bảng kê chi tiết các khoản phải thu của Công ty

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2006	14/11/2007	31/12/2007
- Phải thu từ khách hàng	20.598.373.009	55.561.500.148	58.281.035.301
- Trả trước cho người bán	1.641.339.630	4.224.250.947	3.067.392.739
- Phải thu nội bộ	-	-	-
- Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	-	3.334.012.291	4.362.076.824
- Phải thu khác	47.158.308.442	52.278.744.375	54.053.939.562

(Nguồn: Công ty Cổ phần Sông Đà 4)

➤ Các khoản phải trả

Bảng kê chi tiết các khoản phải trả của Công ty

Đơn vị: đồng

Các khoản nợ ngắn hạn	31/12/2006	14/11/2007	31/12/2007
- Vay và nợ ngắn hạn	116.395.281.459	100.200.918.685	101.775.990.621
- Phải trả cho người bán	43.527.282.736	60.638.051.740	55.661.323.278
- Người mua trả tiền trước	10.311.178.127	12.963.674.523	5.602.259.538
- Phải trả cho nhân viên	5.640.306.935	5.567.995.525	7.554.306.527
- Thuế và các khoản phải nộp NN	585.380.147	3.573.008.727	8.758.141.119
- Phải trả các đơn vị nội bộ	-	-	-
- Chi phí phải trả	481.272.343	11.516.212.154	557.364.489

Các khoản nợ ngắn hạn	31/12/2006	14/11/2007	31/12/2007
- Phải trả, phải nộp khác	7.786.416.128	44.035.163.357	38.155.062.192
- Nợ dài hạn	205.564.247.046	258.400.416.285	230.850.416.285

(Nguồn: Công ty Cổ phần Sông Đà 4)

Do doanh nghiệp hoạt động trong ngành xây lắp dẫn đến các khoản phải thu của Công ty chiếm tỷ trọng lớn trong tài sản lưu động và chủ yếu là các khoản phải thu từ khách hàng.

Các khoản nợ ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số nợ phải trả, các khoản phải trả ngắn hạn này được dùng để tài trợ cho tài sản lưu động. Trong quá trình hoạt động Công ty luôn chấp hành tốt các nghĩa vụ về vay và trả nợ. Vì vậy Công ty đã có được những lợi thế nhất định trong việc huy động nguồn vốn tín dụng từ ngân hàng.

12.2 Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2006	Từ 01/01/2007 – 14/11/2007
1. Khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,83	1,04
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,52	0,57
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	0,88	0,89
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	7,43	7,95
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	2,43	2,07
Vòng quay tổng tài sản	Lần	0,32	0,41
4. Tỷ suất sinh lời			

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2006	Từ 01/01/2007 – 14/11/2007
Hệ số Lợi nhuận sau thuế /Doanh thu thuần	%	0,14	2,12
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	0,04	0,87
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	0,38	7,23
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	3,69	2,27

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2006 và 2007)

13. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

13.1. Hội đồng quản trị

13.1.1 Trần Văn Thông

Giới tính: Nam
 Sinh ngày: 06/08/1971
 CMND số: 181654295 Ngày cấp: 01/04/1987 Nơi cấp: CA nghệ an
 Dân tộc: Kinh
 Quốc tịch: Việt Nam
 Quê quán: xã Hưng Châu - huyện Hưng Nguyên - tỉnh Nghệ An
 Địa chỉ thường trú: Phường Hoa Lư – Thành phố Pleiku – Gia Lai
 Trình độ văn hóa: 12/12
 Số điện thoại liên lạc: 059 717 268
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư công trình thủy điện

Quá trình công tác:

Thời gian công tác Chức vụ, địa vị công tác

1984 - 1998 Cán bộ phòng Kinh tế Công ty Sông Đà 4
 1998 - 1999 Cán bộ phòng Trung tâm hợp tác BQL dự án - Tổng công ty

	Sông Đà;
1999 - 2000	Trưởng phòng kế hoạch Công ty BOT Thủy điện Cần Đơn - Tổng Công ty Sông Đà;
2000 - 2003	Phó Giám đốc Công ty BOT Thủy điện Cần Đơn - Tổng Công ty Sông Đà;
04/2003 - 11/2005	Phó Giám đốc Công ty Sông Đà 4 - Tổng Công ty Sông Đà;
11/2005 - 06/2006	Tổng Giám đốc Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Sông Đà 4 - Tổng Công ty Sông Đà;
07/2006 - 11/2007	Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Sông Đà 4;
11/2007 đến nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị, kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 4;
Chức vụ hiện tại	Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 4;
Chức Vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Nguyên.
Hành vi vi phạm pháp luật:	không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty:	không
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 20/12/2007:	2.001.300 cổ phần
❖ Sở hữu cá nhân:	1.300 cổ phần
❖ Sở hữu nhà nước:	2.000.000 cổ phần.
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần:	không
Những khoản nợ đối với Công ty:	không có

13.1.2 Nguyễn Hữu Lợi

Giới tính: Nam
Sinh ngày: 20 tháng 8 năm 1958
CMND số: 230700287 Ngày cấp: 01/03/2004 Nơi cấp: CA Gia Lai
Dân tộc: Kinh
Quốc tịch: Việt Nam
Quê quán: xã Yên Chính – huyện Ý Yên - tỉnh Nam Định
Địa chỉ thường trú: Số 20 Phạm Văn Đồng - Thành phố Pleiku - tỉnh Gia Lai
Trình độ văn hóa: 10/10
Số điện thoại liên lạc: 059 717 269
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thủy lợi

Quá trình công tác:

Thời gian công tác

Chức vụ, địa vị công tác

1983 -1992	Tham gia xây dựng Công trình thủy điện Hoà Bình - Công ty Xây dựng Thủy Công - Tổng Công ty Sông Đà;
1992 - 1994	Tham gia thi công Công trình thủy điện Vĩnh Sơn - Tổng Công ty Sông Đà;
1994 - 2000	Tham gia xây dựng Công trình thủy điện Ialy - Tổng Công ty Sông Đà;
2000 - 2003	Tham gia xây dựng công trình thủy điện Cần Đơn;
2003 - 2006	Tham gia xây dựng thủy điện Sê san 3 - Phó Giám đốc Công ty – Giám đốc Xí nghiệp Sông Đà 4.06 – Công ty Sông Đà 4 - Tổng Công ty Sông Đà;
2006 đến 12/2007	Tham gia xây dựng thủy điện Sê san 4 - Quyền Tổng Giám đốc Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Sông Đà 4 - Tổng Công ty Sông Đà;
12/2007 đến nay	Tham gia xây dựng thủy điện Sê san 4 - Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 4;
Chức vụ hiện tại:	Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc Công ty.
Chức Vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không

Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty:	Không.
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 20/12/2007:	1.007.400 cổ phần
❖ Sở hữu cá nhân:	7.400 cổ phần
❖ Sở hữu nhà nước:	1.000.000 cổ phần.
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần:	vợ: Phạm Minh Tuyết: 15.000 cổ phần
Những khoản nợ đối với Công ty:	không có

13.1.3 Ngô Minh Tuấn

Giới tính:	Nam
Sinh ngày:	10 tháng 5 năm 1960
CMND số:	230646799 Ngày cấp: 23/04/2002 Nơi cấp: CA Gia lai
Dân tộc:	Kinh
Quốc tịch:	Việt Nam
Quê quán:	Phù Yên - Phúc Lâm - Mỹ Đức - Hà Tây
Địa chỉ thường trú:	Phường Hoa Lư, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai
Trình độ văn hóa:	10/10
Số điện thoại liên lạc:	059 873 808
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư thủy lợi

Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ, địa vị công tác
1983 - 1985	Tham gia thi công Công trình thủy điện Hoà Bình - Công ty Xây dựng Thủy Công - Tổng Công ty Sông Đà;
1985 - 1992	Đội trưởng - Công ty Xây dựng Thủy Công - Tổng Công ty Sông Đà;
1992 - 1995	Trưởng ban Vật tư – Xí nghiệp Sông Đà .401 – Công ty Sông Đà 4 - Tổng Công ty Sông Đà;

1995 - 1996	Phó Giám đốc Xí nghiệp Sông Đà.401 - Công ty Sông Đà 4 - Tổng Công ty Sông Đà;
1996 - 2002	Giám Đốc Xí nghiệp Sông Đà.401 - Công ty Sông Đà 4 - Tổng Công ty Sông Đà;
2002 – 11/2007	Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Sông Đà 4 - Tổng Công ty Sông Đà;
12/2007 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 4, Phó Tổng Giám đốc Công ty;
Chức vụ hiện tại:	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty, Phó Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 4.
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly.
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty:	Không.
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 20/12/2007:	7.400 cổ phần
❖ Sở hữu cá nhân:	7.400 cổ phần
❖ Sở hữu nhà nước:	0 cổ phần
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần:	không
Những khoản nợ đối với Công ty:	không có

13.1.4 Nguyễn Khắc Hiệp

Giới tính:	Nam
Sinh ngày:	06 tháng 2 năm 1962
Hộ chiếu số:	B1606868 Ngày cấp: 27/12/2007 Nơi cấp: Cục quản lý xuất nhập cảnh Đà Nẵng.
Dân tộc:	Kinh
Quốc tịch:	Việt Nam

Quê quán:	Thị xã Thanh Hoá - tỉnh Thanh Hoá
Địa chỉ thường trú:	Tổ 3, Cụm 4, phường Khương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội;
Số điện thoại liên lạc:	0913 437509
Trình độ văn hóa:	10/10
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư thuỷ lợi
Quá trình công tác:	
Thời gian công tác	Chức vụ, địa vị công tác
1985 - 1987	Nhân viên phòng TCTL – Công ty Công trình ngầm – Tổng Công ty Sông Đà;
1987 - 1988	Nhân viên phòng TCTL – Xí nghiệp thi công 6 – Công trình thuỷ điện Trị An;
1988 - 1997	Trưởng ban TCTL – Xí nghiệp Công ty Sông Đà 4, Phó phòng KTKH Công ty điện Miền Trung, Nhân viên phòng KTKH - Đại diện Tổng Công ty Sông Đà tại Miền Trung;
1997 - 2001	Phó Phòng Thị trường – Tổng Công ty Sông Đà;
2001 đến nay	Phó Giám đốc Công ty Sông Đà 4 – Phó Giám đốc Ban điều hành dự án thuỷ điện Sê San 3 - Giám Đốc Ban điều hành dự án thuỷ điện Sê San 3;
Chức vụ đang giữ tại Công ty:	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty;
Chức vụ đang nắm giữ tại	
tổ chức khác:	Giám đốc Ban Điều hành Sê San 3, Chủ tịch Hội Đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 3.
Hành vi vi phạm pháp luật:	không
Quyền lợi mâu thuẫn với	
lợi ích Công ty:	không
Số cổ phần nắm giữ tại	
thời điểm 20/12/2007:	1.002.100 cổ phần
❖ Sở hữu cá nhân:	2.100 cổ phần
❖ Sở hữu nhà nước:	1.000.000 cổ phần
Những người có liên quan	
nắm giữ cổ phần:	không

Những khoản nợ đối với

Công ty: không có

13.1.5 Vương Đắc Hùng

Họ và tên: Vương Đắc Hùng

Giới tính: Nam

CMND số: 111243854 Ngày cấp: 24/11/1992 Nơi cấp: CA Hà Tây

Ngày sinh: 13 tháng 02 năm 1977

Quê quán: xã Cộng Hoà, huyện Quốc Oai, tỉnh Hà Tây

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Phường Hoa Lư, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

Số điện thoại liên lạc: 0982.179.069

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính - Kế toán

Quá trình công tác:

Thời gian công tác

Chức vụ, địa vị công tác

3/2001 - 12/2003

Nhân viên Xí nghiệp 790, Tổng Công ty Than Đông Bắc;

01/2004 - 8/2004

Nhân viên Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng số 5;

09/2004 - 04/2005

Nhân viên Phòng Tài chính Kế toán Công ty Sông Đà 4;

05/2005 - 08/2007

Kế toán trưởng Chi nhánh Công ty TNHH Sông Đà 408 – Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Sông Đà 4;

9/2007 - 11/2007

Phó Kế toán trưởng Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Sông Đà 4;

11/2007 đến nay

Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Sông Đà 4;

Chức vụ đang nắm giữ

tại Công ty :

Thành viên Hội đồng quản trị, Kế toán trưởng Công ty.

Chức vụ đang nắm giữ tại

tổ chức khác:

Không.

Hành vi vi phạm pháp luật:

Không

Quyền lợi mâu thuẫn với
lợi ích Công ty: Không.

Số cổ phần nắm giữ tại
thời điểm 20/12/2007: **600 cổ phần**

❖ Sở hữu cá nhân: 600 cổ phần

❖ Sở hữu nhà nước: 0 cổ phần

Những người có liên quan
nắm giữ cổ phần: Không có

Các khoản nợ đối với Công ty: không

13.2. Ban Tổng Giám đốc

13.2.1 Nguyễn Văn Thông

Như trên

13.2.2 Nguyễn Hữu Lợi

Như trên

13.2.3 Phạm Văn Trọng

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 30 tháng 10 năm 1966

CMND số: 011355780 Ngày cấp: 19/04/1985 Nơi cấp: CA Hà Nội

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Tổ 2, Phường Hoa Lư, TP Pleiku, Gia lai.

Quốc tịch: Việt Nam

Tôn giáo: Không

Quê quán: xã Thanh Thủy - huyện Thanh Hà - tỉnh Hải Dương

Số điện thoại liên lạc: 059 719240

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải ô tô

Quá trình công tác:

Thời gian công tác **Chức vụ, địa vị công tác**

Từ 10/1991 - 3/2000: Nhân viên phòng Kỹ thuật, Công ty Xây dựng Sông Đà 4;

Từ 04/2000 - 04/2005: Phó Phòng Kỹ thuật, Công ty Sông Đà 4;
Từ 04/2005 - 11/2005: Phó Giám đốc Xí nghiệp Sông Đà 4.06, Công ty Sông Đà 4;
Từ 11/2005 – 03/2006: Phó Giám đốc Xí nghiệp Sông Đà 4.06, Công ty Sông Đà 4;
Từ tháng 4/2006 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Nhà nước 1 thành viên Sông Đà 4, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 4;

Chức vụ đang nắm giữ
tại Công ty: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 4;

Chức vụ đang nắm giữ tại
tổ chức khác: không

Hành vi vi phạm pháp luật: không

Quyền lợi mâu thuẫn với
lợi ích Công ty: không

Số cổ phần nắm giữ tại
thời điểm 20/12/2007: **1.600 cổ phần**

❖ Sở hữu cá nhân: 1.600 cổ phần

❖ Sở hữu nhà nước: 0 cổ phần

Những người có liên quan
nắm giữ cổ phần: Vợ: Nguyễn Thị Ngọc Trang: 1.600 cổ phần

Các khoản nợ đối với Công ty: không

13.3. Ban kiểm soát

13.3.1 Tạ Duy Sơn

Giới tính: Nam
Ngày sinh: 05 tháng 03 năm 1976
CMND số: 113000348 Ngày cấp: 11/6/2007 Nơi cấp: CA Hoà Bình
Quê quán: xã Thái An, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: huyện Chưpảh, tỉnh Gia Lai
Số điện thoại liên lạc: 059 220 811

Trình độ văn hoá:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Tài chính - Kế toán
Quá trình công tác:	
Thời gian công tác	Chức vụ, địa vị công tác
02/1997 - 11/1998	Chuyên viên phòng tài chính kế toán Sông Đà 4;
12/1998 - 06/2000	Chuyên viên phòng Kế toán Công ty BOT Cần Đơn;
07/2000 - 09/2001	Kế toán trưởng chi nhánh Công ty Xây dựng Sông Đà 7 tại Yaly;
10/2001 - 09/2005	Kế toán trưởng Công ty Sông Đà 3 tại thị xã Kon Tum;
10/2005 đến nay	Trưởng Phòng Kế toán Tài chính Ban Điều hành Thủy điện Sê San 3, Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Sông Đà 3;
Chức vụ đang nắm giữ	
tại Công ty:	Trưởng ban kiểm soát Công ty;
Chức vụ nắm giữ tổ	
chức khác:	Trưởng Phòng tài chính Kế toán Ban điều hành thủy điện Sê San 3, Trưởng ban kiểm soát Công ty Cổ phần Sông Đà 3.
Hành vi vi phạm pháp luật:	không
Những người có liên quan	
nắm giữ cổ phần:	không có
Các khoản nợ đối với Công ty:	không có
Các quyền lợi mâu thuẫn	
với Công ty:	không có
Số cổ phần nắm giữ tại	
thời điểm 20/12/2007:	801.000 cổ phần
❖ Số cổ phần cá nhân nắm giữ:	1.000 cổ phần
❖ Số cổ phần Nhà nước uỷ quyền:	800.000 cổ phần
Những người có liên quan	
nắm giữ cổ phần:	không

13.3.2 Nguyễn Hải Sơn

Giới tính: Nam
Ngày sinh: 19 tháng 02 năm 1974
CMND số: 141657420 Ngày cấp: 09/02/1992 Nơi cấp: CA Hưng Yên
Quê quán: xã Bình Minh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng yên
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: huyện Chupảh, tỉnh Gia Lai
Số điện thoại liên lạc: 059.845.577
Trình độ văn hoá: 12/12
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian công tác

Chức vụ, địa vị công tác

07/1996 - 09/1996 Chuyên viên Phòng Tài chính Kế toán Sông Đà 5;
10/1996 - 08/1999 Chuyên viên Phòng Tài chính Kế toán Công ty Sản xuất và Kinh doanh Vật tư vận tải Sông Đà 16;
09/1999 - 03/2002 Kế toán trưởng Nhà máy Xi măng Sông Đà Yaly- Công ty Sông Đà 3;
03/2002 - 06/2002 Phòng Tài chính kế toán Công ty Xi măng Sông Đà;
06/2002 đến nay Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly;

Chức vụ đang nắm

giữ tại Công ty: Thành viên Ban kiểm soát Công ty;

Chức vụ nắm giữ

tổ chức khác: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly;

Hành vi vi phạm pháp luật: không

Những người có liên quan

nắm giữ cổ phần: không có

Các khoản nợ đối với Công ty: không nợ

Các quyền lợi mâu thuẫn

với Công ty: không có

Số cổ phần nắm giữ tại
thời điểm 20/12/2007: **2.000 cổ phần**

❖ Số cổ phần cá nhân: 2.000 cổ phần

❖ Số cổ phần Nhà nước: 0 cổ phần

Số cổ phần do người có liên
quan nắm giữ: không

13.3.3 Nguyễn Anh Đào

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 30 tháng 09 năm 1973

CMND số: 151382498 Ngày cấp: 11/02/1999 Nơi cấp: CA Thái Bình

Quê quán: huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

Số điện thoại liên lạc: 059.840.090

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian công tác

Chức vụ, địa vị công tác

02/1998 - 07/1998	Nhân viên Tổ chức Hành chính Xí nghiệp 605 - Công ty Sông Đà 6;
08/1998 - 12/1998	Nhân viên Phòng Tổ chức Hành chính Công ty Sông Đà 6;
01/1999 - 12/2001	Nhân viên Phòng Tổ chức Hành chính Chi nhánh Quảng Ngãi – Công ty Sông Đà 6;
01/2002 - 12/2002	Trưởng phòng Tổ chức Hành chính Chi nhánh Quảng Ngãi – Công ty Cổ phần Sông Đà 6;
01/2003 - 04/2003	Trưởng Ban Tổ chức Hành chính Xí Nghiệp 605 - Công ty Sông Đà 6;
05/2003 - 05/2007	Phó Phòng Tổ chức Hành chính Công ty Sông Đà 6;

06/2007 đến nay Trưởng phòng Tổ chức Hành chính Công ty Cổ phần Sông Đà 6;

Chức vụ đang nắm giữ
tại Công ty: Thành viên Ban kiểm soát Công ty;

Chức vụ nắm giữ tổ
chức khác: Trưởng phòng Tổ chức hành chính Công ty Cổ phần Sông Đà 6.

Hành vi vi phạm pháp luật: không có

Các khoản nợ đối với Công ty: không có

Các quyền lợi mâu thuẫn
với Công ty: không có

Số cổ phần nắm giữ tại
thời điểm 20/12/2007: 0 cổ phần

❖ Số cổ phần cá nhân nắm giữ: 0 cổ phần

❖ Số cổ phần Nhà nước uỷ quyền: 0 cổ phần

Số cổ phần do người có liên
quan nắm giữ: không

13.4. Kế toán trưởng - Vương Đắc Hùng

Như trên

14. Tài sản

Danh mục tài sản chính của Công ty tại thời điểm 14/11/2007

STT	Khoản mục	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Giá trị còn lại/Nguyên giá (%)
A	TSCĐ Hữu hình	430.629.387.259	300.004.641.542	69,67%
I	Nhà cửa vật kiến trúc	101.487.632.048	100.641.585.146	99,17%
II	Máy móc thiết bị	304.118.802.884	193.270.058.150	63,55%
III	Phương tiện vận tải truyền dẫn	24.651.118.277	6.049.224.466	24,54%

STT	Khoản mục	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Giá trị còn lại/Nguyên giá (%)
IV	Thiết bị dụng cụ quản lý	371.834.050	43.773.780	11,77%
V	TSCĐ Hữu hình khác	0	0	0
B	TSCĐ Vô hình	0	0	0
C	TSCĐ Thuê tài chính	0	0	0

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán Công ty Sông Đà 4 giai đoạn 01/01/2007 đến 14/11/2007)

Danh mục tài sản chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2007

STT	Khoản mục	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Giá trị còn lại/Nguyên giá (%)
A	TSCĐ Hữu hình	413.455.277.554	281.863.425.216	68,17
I	Nhà cửa vật kiến trúc	104.410.746.824	102.931.800.154	98,58
II	Máy móc thiết bị	284.629.512.703	173.241.715.656	60,87
III	Phương tiện vận tải truyền dẫn	24.124.683.977	5.662.946.346	23,47
IV	Thiết bị dụng cụ quản lý	290.334.050	26.963.060	9,29
V	TSCĐ Hữu hình khác	0	0	68,17
B	TSCĐ Vô hình	-	-	-
C	TSCĐ Thuê tài chính	-	-	-

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán Công ty Cổ phần Sông Đà 4 giai đoạn 15/11/2007 đến 31/12/2007)

15. Kế hoạch sản xuất, kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong những năm tiếp theo

15.1. Định hướng phát triển Công ty đến năm 2010

Theo kế hoạch đến năm 2010 của Sông Đà 4, Công ty có định hướng phát triển trở thành đơn vị mạnh trong Tổng công ty về lĩnh vực xây lắp. Ngoài ra, Sông Đà 4 cũng có chủ trương mở rộng

thêm các lĩnh vực, ngành nghề có lợi thế cạnh tranh trên thị trường hiện nay như: Xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện, giao thông đường bộ, công trình công nghiệp, dân dụng; đầu tư xây dựng khu công nghiệp và đô thị; đầu tư tài chính; sản xuất kinh doanh điện thương phẩm; sản xuất kinh doanh vật tư và các sản phẩm vật liệu xây dựng... Sông Đà 4 xác định: Lấy hiệu quả kinh tế làm thước đo cho sự phát triển bền vững của Công ty, phát huy mọi nguồn lực, nâng cao vị thế và sức cạnh tranh.

15.2. Một số chỉ tiêu chủ yếu trong 5 năm (2006 - 2010)

- ❖ Tổng giá trị SXKD: 1.635 tỷ đồng
- ❖ Doanh số bán hàng: 1.600 tỷ đồng
- ❖ Nộp nhà nước: 83 tỷ đồng
- ❖ Lợi nhuận: 65,87 tỷ đồng
- ❖ Giá trị đầu tư: 210 tỷ đồng
- ❖ Lao động bình quân hàng năm: 945 người đến 1.147 người
- ❖ Thu nhập bình quân 01 người/tháng: 3,5 triệu đồng/ người/tháng

15.3. Một số chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận, cổ tức

Một số chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức

Chỉ tiêu	Năm 2008 (triệu đồng)	Năm 2009		Năm 2010	
		Triệu đồng	% tăng so với năm '08	Triệu đồng	% tăng so với năm '09
Vốn điều lệ	75.000	100.000	33,3%	100.000	0%
Doanh thu thuần	323.000	345.000	6,81%	390.000	13,04%
Lợi nhuận trước thuế	15.000	20.000	33,33%	25.000	25,00%
Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/Doanh thu thuần	4,64%	5,80%	24,83%	6,41%	10,58%
Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/Vốn điều lệ	20%	20%	0%	25%	25%

Chỉ tiêu	Năm 2008 (triệu đồng)	Năm 2009		Năm 2010	
		Triệu đồng	% tăng so với năm '08	Triệu đồng	% tăng so với năm '09
Tỷ lệ cổ tức (%)	12%	14%	16,67%	15%	7,14%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Sông Đà 4)

15.4. Căn cứ đạt kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2008

Năm 2008 là năm đầu tiên Công ty đi vào hoạt động chính thức dưới hình thức công ty cổ phần. Bộ máy tổ chức và quản lý của Doanh nghiệp đã được tính giản theo hướng

Theo kế hoạch, doanh thu và lợi nhuận trong năm 2008 sẽ được ghi nhận từ các nguồn sau:

- ❖ Từ hoạt động sản xuất xây lắp ở các Công trình sau: Công trình thủy điện Sê San 4, Công trình thủy điện Xêkamán 1 (Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào), Công trình thủy điện Hmun, Công trình thủy điện Hà Tây, Trạm nghiên Xi măng Hiệp Phước tại Thành phố Hồ Chí Minh, dự án khu chung cư Nguyễn Chí Thanh. Trong đó, Doanh thu và Lợi nhuận chủ yếu được ghi nhận từ Công trình thủy điện Sê San 4, Xekamán 1 và Công trình thủy điện Hmun. Doanh thu và lợi nhuận từ hoạt động này dự kiến chiếm 36% Tổng doanh thu và lợi nhuận năm 2008.
- ❖ Từ hoạt động sản công nghiệp phục vụ xây lắp (Sản xuất vữa bê tông, đá dăm) ở các công trình thủy điện Xêkamán 1 (Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào), công trình thủy điện Sê San 4, Công trình thủy điện Bản Vẽ. Các dự án này đều đang ở giai đoạn cao điểm. Do đó, nhu cầu đối với các vật liệu như: vữa bê tông, đá dăm sẽ tăng hơn so với các giai đoạn trước. Công ty xác định, Doanh thu từ hoạt động này dự kiến chiếm 56,7% Tổng doanh thu và lợi nhuận năm 2008.
- ❖ Từ hoạt động bán điện thương phẩm của nhà máy điện Iagrai. Năm 2008 là năm thứ hai nhà máy điện Iagrai 3 đi vào hoạt động. Chi phí vận hành cho Nhà máy được xác định là không đáng kể, đồng thời CBCNV nhà máy đã có kinh nghiệm trong việc vận hành nhà máy. Do đó, dự kiến năm 2008 Doanh thu và lợi nhuận từ hoạt động bán điện thương phẩm của Nhà máy điện Iagrai 3 sẽ hiệu quả hơn so với năm 2007, chiếm khoảng 7,3% Tổng doanh thu và lợi nhuận năm 2008.

15.5. Kế hoạch đầu tư, dự án đã được ĐHĐCĐ, HĐQT thông qua

Bên cạnh việc tổ chức tốt hoạt động sản xuất kinh doanh, hiện nay Công ty cũng tham gia góp vốn đầu tư tại một số Công ty thành viên của Tổng Công ty Sông Đà và các dự án do Tổng Công ty quản lý. Các dự án đầu tư tài chính của Công ty được thực hiện dưới hình thức đầu tư trực tiếp và đầu tư uỷ thác qua Tổng Công ty Sông Đà. Các dự án bao gồm:

- ❖ **Công ty Cổ phần Sắt Thạch Khê:** Vốn điều lệ: 2.400 tỷ đồng (*Hai nghìn bốn trăm tỷ đồng*), trụ sở chính Thị xã Hà Tĩnh.
 - Kế hoạch đầu tư: Theo Quyết định số 111TCT/HĐQT ngày 25 tháng 04 năm 2007 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Sông Đà, Sông Đà 4 sẽ là một trong số các đơn vị được phép tham gia góp vốn, cụ thể như sau:
 - Giá trị vốn góp: 06 tỷ đồng
 - Thời gian góp vốn: theo tiến độ triển khai dự án do Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Sắt Thạch Khê quy định cụ thể.
 - Hình thức góp vốn: Ủy thác qua Tổng Công ty Sông Đà
 - Tiến độ thực tế triển khai: Đã góp đợt 1: 300.000.000 đồng.
- ❖ **Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Văn Phong:** Vốn điều lệ là 100 (*Một trăm*) tỷ đồng với các cổ đông chính như UBND tỉnh Khánh Hoà, Tổng công ty xăng dầu Việt Nam, Tổng công ty hàng hải Việt Nam...
 - Kế hoạch đầu tư: Theo Quyết định số 112TCT /HĐQT của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Sông Đà ngày 25 tháng 04 năm 2007, Sông Đà 4 sẽ là một trong số các đơn vị tham gia góp vốn cụ thể như sau:
 - Giá trị vốn góp: 03 tỷ đồng
 - Thời gian góp vốn: từ ngày 01/3/2007 đến ngày 30/6/2007.
 - Hình thức đầu tư: Ủy thác đầu tư qua Tổng Công ty Sông Đà.
 - Tiến độ triển khai thực tế: Đã thực hiện góp vốn.
- ❖ **Công ty Cổ phần Thủy điện Trà Xom:** Tổng số vốn góp của Tổng Công ty Sông Đà vào Công ty cổ phần thủy điện Trà Xom là 27,5 tỷ đồng tương đương 55% vốn điều lệ.
 - Kế hoạch đầu tư: Theo Quyết định số 136TCT /HĐQT ngày 16 tháng 5 năm 2007 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Sông Đà, Sông Đà 4 sẽ là một trong số các đơn vị tham gia góp vốn cụ thể như sau:
 - Giá trị vốn góp: 4,25 tỷ đồng;
 - Thời gian góp vốn: Quý II/2007;
 - Hình thức đầu tư: Ủy thác đầu tư qua Tổng Công ty Sông Đà;
 - Tiến độ triển khai thực tế: Công ty đã góp đợt 1 là 2,55 tỷ đồng.
- ❖ **Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên** có Vốn điều lệ: 45 (*Bốn mươi lăm*) tỷ đồng.
 - Kế hoạch đầu tư: Theo Quyết định số 190TCT/HĐQT ngày 26 tháng 06 năm 2007 của

Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Sông Đà, Sông Đà 4 tham gia góp vốn thành lập Công ty Cổ phần thủy điện Sông Đà Tây nguyên với giá trị vốn cụ thể như sau:

- Giá trị vốn góp: 15,75 tỷ đồng.
 - Thời gian góp vốn: Vốn được góp theo tiến độ triển khai dự án do Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần thủy điện Sông Đà Tây nguyên quy định cụ thể. Dự án bắt đầu góp vốn vào quý III/2007.
 - Hình thức góp vốn : Đầu tư trực tiếp.
- Tiến độ triển khai thực tế: Công ty đã góp 1,72 tỷ đồng.
- ❖ **Quỹ Đầu tư Công nghiệp và năng lượng Việt Nam:** quy mô vốn là 10.000 (Mười nghìn) tỷ đồng, là quỹ thành viên dạng đóng. Quỹ được quản lý bởi Công ty cổ phần Quản lý quỹ Công nghiệp và Năng lượng Việt Nam. Ngân hàng HSBC được chọn là ngân hàng lưu ký - giám sát cho Quỹ.
- Toàn bộ số vốn của Quỹ sẽ được đóng góp và giải ngân sau 4 năm. Sau khi giải ngân, Quỹ sẽ chuyển thành quỹ công chúng và niêm yết trên sàn chứng khoán.
- ❖ **Quỹ đầu tư Việt Nam (VIF):** quy mô vốn tối đa là 1.600 (Một nghìn sáu trăm) tỷ đồng, được góp vốn bởi 20 tập đoàn và doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam. Quỹ VIF được quản lý bởi Công ty liên doanh quản lý quỹ đầu tư BIDV - Vietnam Partners (BVIM) có vốn điều lệ là 2 triệu USD, trụ sở tại tầng 12 toà nhà Vincom - 191 Bà Triệu- Hà Nội.
- ❖ **Đầu tư dự án nâng cao năng lực thi công:** Trong giai đoạn 2006-2010, khối lượng công việc thi công của Công ty có mức tăng trưởng cao, trong đó nhiều hạng mục cũng như hợp đồng lớn phải đồng loạt triển khai như thủy điện Iagrai 3 mà Công ty Cổ phần Sông Đà 4 làm chủ đầu tư, thủy điện Sê San 4, Thủy điện Bản Vẽ, thủy điện Sekaman 1, thủy điện An Khê - Kanak...để chủ động trong việc thực hiện hợp đồng đòi hỏi Công ty phải có kế hoạch đầu tư thiết bị thi công sản xuất nhằm đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty.

16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Là thành viên của Tổng công ty Sông Đà, Sông Đà đã từng tham gia thi công nhiều công trình lớn và trọng điểm của quốc gia như: thủy điện Yaly, thủy điện Sê San 3, thủy điện Sê San 4, thủy điện Igrai 3, v.v..., việc Công ty được Tổng công ty Sông Đà giao cho làm đơn vị thi công chính tại công trình thủy điện Igrai 3 đã khẳng định năng lực và uy tín của Sông Đà 4.

Với các công trình đang thi công hiện tại cũng như kế hoạch sản xuất trong thời gian tới, nếu không có những biến động lớn của nền kinh tế cũng như của ngành, Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Long tin tưởng Công ty hoàn toàn có khả năng đạt được kế hoạch lợi nhuận, cổ tức của mình cho năm tài chính 2008.

Trên đây là các đánh giá của chúng tôi về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty. Chúng tôi xin lưu ý rằng những ý kiến nhận xét của chúng tôi đưa ra là dựa trên các thông tin mà chúng

tôi thu thập được tại thời điểm lập bản cáo bạch cũng như tổng hợp và phân tích các thông tin này dựa trên các lý thuyết tài chính chứng khoán mà không hàm ý đảm bảo cho tính chắc chắn của các số liệu kế hoạch nêu trên. Đây chỉ là những nhận xét mang tính tham khảo đối với các nhà đầu tư cũng như những đối tượng có liên quan.

17. Thông tin liên quan về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty: không có
18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán: không có

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Loại chứng khoán: **Cổ phiếu phổ thông**
2. Mệnh giá: **10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phiếu**
3. Tổng số chứng khoán niêm yết: **7.500.000 (Bảy triệu năm trăm ngàn) cổ phần**
4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và của Công ty

4.1. Hạn chế chuyển nhượng cổ phần đối với cổ đông sáng lập

Đến nay, số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng là: 4.800.000 cổ phiếu, do Tổng công ty Sông Đà nắm giữ.

Theo Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29/11/2005, có hiệu lực từ ngày 01/07/2006 và theo Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 11/11/2007, số lượng cổ phần do Tổng công ty Sông Đà nắm giữ nói trên sẽ không được chuyển nhượng trong vòng 3 năm kể từ ngày Công ty được nhận Giấy phép đăng ký kinh doanh (15/11/2007).

4.2. Hạn chế chuyển nhượng đối với cổ phần do Công đoàn Công ty nắm giữ

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 5.312 cổ phần

Theo Công văn số 2298/BXD-KTTC ngày 26/10/2007 của Bộ Xây dựng, số lượng 5.312 cổ phần được bán cho Công đoàn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nhà Nước 1 thành viên (nay là Công đoàn Công ty Cổ phần Sông Đà 4) sẽ không được chuyển nhượng.

4.3. Hạn chế chuyển nhượng cổ phần đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng

Điều 9, khoản d, Nghị định 14/2007/NĐ-CP ban hành ngày 19/01/2007 có quy định: “cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc, và Kế toán trưởng của Công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ.”

Như vậy số cổ phiếu thuộc sở hữu cá nhân mà các thành viên trên nắm giữ và/hoặc làm đại diện cho các tổ chức khác (không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước) sẽ bị hạn chế chuyển nhượng. Các thành viên, số lượng cổ phiếu và thời gian hạn chế chuyển nhượng chi tiết như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Sở hữu	Số cổ phần	Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng trong 6 tháng đầu kể từ ngày niêm yết	Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng trong vòng 6 tháng tiếp theo
Trần Văn Thông	Chủ tịch HĐQT – Tổng Giám đốc	Cá nhân	1.300	1.300	650
Ngô Minh Tuấn	Ủy viên HĐQT	Cá nhân	7.400	7.400	37.00
Nguyễn Hữu Lợi	Ủy viên HĐQT – Phó Tổng Giám đốc	Cá nhân	7.400	7.400	3.700
Nguyễn Khắc Hiệp	Ủy viên HĐQT	Cá nhân	2.100	2.100	1.050
Vương Đắc Hùng	Ủy viên HĐQT – Kế toán trưởng	Cá nhân	600	600	300
Phạm Văn Trọng	Phó Tổng Giám đốc	Cá nhân	1.600	1.600	800
Tạ Duy Sơn	Trưởng Ban kiểm soát	Cá nhân	1.000	1.000	500
Nguyễn Hải Sơn	Ủy viên Ban kiểm soát	Cá nhân	2.000	2.000	1.000
Nguyễn Anh Đào	Ủy viên Ban kiểm soát	Cá nhân	0	0	0

(Nguồn: Công ty cổ phần Sông Đà 4)

5. Phương pháp tính giá

Dựa trên phân tích giá trị sổ sách của Công ty kết hợp với việc tham chiếu giá đấu thành công của cổ phiếu Công ty trong đợt đấu giá bán cổ phần thời điểm tháng 9 năm 2007.

Dựa trên Biên bản xác định kết quả đấu giá ngày 26/09/2007 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội:

Giá khởi điểm:	10.500 đồng/cổ phần
Giá trúng thầu cao nhất:	34.000 đồng/cổ phần
Giá trúng thầu thấp nhất:	11.000 đồng/cổ phần
Giá trúng thầu thành công bình quân:	12.176 đồng/cổ phần

Theo phương pháp giá trị sổ sách:

Tại thời điểm 31/12/2007

Nguồn Vốn chủ sở hữu – nguồn kinh phí và các quỹ khác

$$\begin{aligned} \text{Giá trị sổ sách 1 cổ phần} &= \frac{\text{Số cổ phần đã phát hành – Cổ phiếu quỹ}}{7.500.000} \\ &= \frac{76.087.416.274}{7.500.000} = 10.145 \text{ đồng / cổ phần} \end{aligned}$$

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Theo Quyết định số 238/QĐ-TTg ngày 29/9/2005 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài trong các doanh nghiệp Việt Nam, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài giới hạn tối đa là 49% vốn điều lệ của Công ty đối với công ty niêm yết. Điều lệ Công ty năm 2007 không qui định cụ thể giới hạn về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài đối với cổ phần của Công ty. Hiện nay, Công ty chưa có cổ đông là thể nhân hoặc pháp nhân nước ngoài.

7. Các loại thuế có liên quan

❖ Thuế Giá trị gia tăng:

- Đối với hoạt động xây lắp áp dụng mức thuế suất 10% (Riêng đối với các công trình dở dang năm 2003 chuyển sang áp dụng thuế suất 5%);
- Kinh doanh điện thương phẩm: áp dụng mức thuế suất 10%;
- Hàng hóa và dịch vụ khác: áp dụng mức thuế suất 10%.

❖ Thuế Thu nhập doanh nghiệp:

- Áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 28%;
- Ngoài ra, Công ty được hưởng một số ưu đãi thuế theo từng dự án, cụ thể:
 - Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 718/BKH-DN ngày 12/20/2001 về ưu đãi thực hiện dự án đầu tư “Đầu tư thiết bị thi công xây lắp”. Theo đó:
Dự án khởi công tháng 12/2000, hoàn thành và đi vào hoạt động quý I năm 2001;
Được hưởng thuế TNDN 25%;
Được miễn giảm 1 năm và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 4 năm tiếp theo cho phần thu nhập tăng thêm do đầu tư này mang lại;
Được miễn thuế thu nhập bổ sung;
 - Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 4049/BKH-DN ngày 07/07/2003 về ưu đãi thực hiện dự án “Đầu tư thiết bị công nghệ bê tông công trình thủy điện Sê San 3”, theo đó:
Dự án khởi công tháng 10 năm 2002, hoàn thành và đi vào hoạt động tháng 12 năm 2003;
Được hưởng thuế TNDN 20%;
Được miễn thuế TNDN bổ sung;
 - Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 2127/BKH-DN ngày 08/04/2002 về ưu đãi thực hiện dự án “Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công”, theo đó:
Dự án khởi công tháng 2 năm 2002, hoàn thành và đi vào sử dụng tháng 12 năm 2003;
Được hưởng thuế TNDN 25%;
Được miễn giảm một năm và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 4 năm tiếp theo cho phần thu nhập tăng thêm do đầu tư này mang lại.
Được miễn thuế TNDN bổ sung.
 - Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 2127/BKH-DN ngày 08/04/2002 về ưu đãi thực hiện dự án “Dự án Thủy điện Iagrai 3”, theo đó:
Dự án khởi công tháng 5 năm 2004, hoàn thành và đi vào sử dụng tháng 2 năm 2007;
Được miễn nộp tiền sử dụng đất;
Được miễn nộp thuế sử dụng đất trong suốt thời gian thực hiện dự án;
Được miễn thuế TNDN bổ sung;
Được hưởng các ưu đãi về thuế TNDN theo quy định tại Nghị định số

164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành Luật Thuế TNDN. Theo đó được miễn 02 năm thuế TNDN và giảm 50% số thuế phải nộp trong 6 năm tiếp theo.

- ❖ Các loại thuế khác: Công ty tuân thủ theo các Luật thuế của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện hành.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG

Trụ sở chính: 22 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 772 6868

Fax: (84-4) 772 6131

Website: www.kls.vn

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103013382 ngày 01/08/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 18/UBCK – GPHĐKD ngày 6/10/2006 do UBCKNN cấp. Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán bổ sung số 281/QĐ -UBCK ngày 27/04/2007 do UBCKNN cấp.

2. Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

Trụ sở chính: Số 217 Nguyễn Văn Linh, TP. Đà Nẵng

Điện thoại: (84-511) 655 886

Fax: (84-511) 655 887

Website: www.aac.com.vn

VII. PHỤ LỤC

1. Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh;
2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/11/2007;
3. Điều lệ Công ty;
4. Quy chế quản trị Công ty;
5. Báo cáo kiểm toán năm 2007 ;
6. Hồ sơ bàn giao giá trị doanh nghiệp;
7. Giấy ủy quyền công bố thông tin, Quy trình công bố thông tin nội bộ;
8. Cam kết nắm giữ cổ phần của Thành viên HĐQT, BGD, BKS và Kế toán trưởng; Danh sách người có liên quan đến thành viên HĐQT, BGD, BKS và Kế toán trưởng;
9. Sơ yếu lý lịch thành viên HĐQT, Ban giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng;

MỤC LỤC

I.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	1
1.	Rủi ro về kinh tế.....	1
2.	Rủi ro về pháp luật.....	2
3.	Rủi ro đặc thù.....	2
4.	Rủi ro khác	3
II.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	3
1.	Tổ chức niêm yết.....	3
2.	Tổ chức tư vấn niêm yết	3
III.	CÁC KHÁI NIỆM	4
IV.	TÌNH HÌNH ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	4
1.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	4
2.	Một số thông tin cơ bản về Công ty.....	5
3.	Cơ cấu tổ chức của Công ty.....	7
4.	Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty	9
5.	Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông.....	24
6.	Danh sách công ty mẹ, công ty con, những công ty mà Công ty Cổ phần Sông Đà 4 đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty	25
7.	Hoạt động kinh doanh	26
8.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	47
9.	Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	48
10.	Chính sách đối với người lao động	50
11.	Chính sách cổ tức	52
12.	Tình hình hoạt động tài chính	52
13.	Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng	65
14.	Tài sản.....	77
15.	Kế hoạch sản xuất, kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong những năm tiếp theo.....	78
16.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	82

17.	Thông tin liên quan về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty: không có.....	83
18.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán: không có	83
V.	CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	83
1.	Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông	83
2.	Mệnh giá: 10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phiếu.....	83
3.	Tổng số chứng khoán niêm yết: 7.500.000 (Bảy triệu năm trăm ngàn) cổ phần	83
4.	Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và của Công ty.....	83
5.	Phương pháp tính giá: Giá trị sổ sách của Công ty	85
6.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	85
7.	Các loại thuế có liên quan	85
VI.	Các đối tác liên quan tới việc niêm yết	87
1.	Tổ chức tư vấn.....	87
2.	Tổ chức kiểm toán	87
VII.	Phụ Lục	87

Gia Lai, ngày ... tháng ... năm 2008

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH:

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 4

CHỦ TỊCH HĐQT kiêm TỔNG GIÁM ĐỐC

TRẦN VĂN THÔNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

VƯƠNG ĐẮC HÙNG

TẠ DUY SƠN

